

Nhà vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, nay tôi có một ví dụ để chứng minh cho lý ấy, là thân hiện nay là có còn đời sau là không.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, như người thân thuộc của tôi bị mắc phải tật bệnh kéo dài đã lâu, lúc gần mạng chung, bấy giờ tôi tới chỗ người bệnh để thăm hỏi và bảo: “Bệnh ông hiện rất nặng, chắc chắn là không thoát khỏi. Nếu có chết đi hãy trở về báo cho ta biết. Ta nghe các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trước kia có nói rằng, nếu người nào phá giới, tạo nghiệp ác, sau khi mạng chung phải bị đọa vào địa ngục. Nếu như các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói đúng thì các ông là thân thuộc của ta, sau khi mạng chung chắc chắn phải bị đọa địa ngục. Vì sao? Vì các người thân thuộc của ta đã phá giới, tạo tội, do đó nên biết chắc chắn phải bị đọa lạc vào cõi ác. Nếu ông ở nơi cõi ác hãy nhờ người khác hoặc chính mình trở về báo cho ta biết rằng nay tôi đang ở trong địa ngục chịu lấy bao sự thống khổ cùng cực. Nếu ông trở về báo cho ta biết, chắc chắn ta sẽ đến đó để cứu”. Nhưng chỉ thấy có người chết ra đi chớ chưa từng thấy có người chết trở lại. Này Tôn giả Ca-diếp, như ý của tôi do ví dụ này thì nên biết chắc chắn là không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Này đại vương, ví dụ này tuy rõ ràng nhưng chưa phải là lý thuyết chân chánh. Nay tôi xin hỏi vua: Ví như có người vi phạm phép nước bị binh lính tuần tra bắt được, đưa đến chỗ vua tâu: “Người này phạm tội như vậy, không dám che giấu”. Nhà vua nghe tâu như vậy liền ra lệnh cho quan có trách nhiệm đem tội nhân này trói chặt hai tay lại rồi dẫn ra ngã tư đường, chỗ đông người tụ hội, đánh trống loan báo nay tội nhân này phạm tội như vậy và theo lệnh của vua xin báo cho mọi người ở khắp Đông, Tây, Nam, Bắc cùng nhân dân trong thành được biết, rồi dẫn tội nhân ra khỏi thành, cứ theo pháp mà xử trị. Như tội nhân này khi sắp tới pháp trường sẽ nói với người canh giữ rằng: “Xin hãy thương xót thả tôi ra một chút để tôi về nhà có đôi lời từ biệt với những người thân thuộc, rồi tôi sẽ trở lại liền”. Này đại vương, đao phủ kia có dám thả người ấy ra một lát để y trở về nhà chăng?

Vua đáp:

–Không thể thả, thưa Tôn giả Ca-diếp. Giả sử gã này có hết lời cầu khẩn thì người đao phủ ấy cũng không dám thả ra. Vì sao vậy? Vì phép vua đã quy định thì không thể thả ra dù chỉ một giây lát.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, các người thân thuộc của đại vương do vì tạo nghiệp gây tội lỗi cho nên sau khi mạng chung phải bị đọa trong địa ngục. Do tội lỗi đã tạo tác nên họ mãi mãi phải nhận lấy mọi sự khổ sở. Các tội nhân này nói với ngục tốt: “Xin hãy tạm thời thả cho chúng tôi trở về nhân gian, đến chỗ vua để cầu xin vua cứu khổ”. Này đại vương, vậy ngục tốt này có chịu thả tội nhân ấy ra không?

Vua đáp:

–Không thả.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, cùng là người đồng ở thế gian mà không chịu tạm thời thả tội nhân ra, huống chi những người thân thích của nhà vua đã tạo đủ điều ác và bị đọa trong địa ngục. Này đại vương, đừng đem ví dụ này để cho là không có đời sau. Sự chấp đoạn ấy chẳng phải là lý lẽ chân chánh, do đấy nên biết đã có đời hiện tại vậy phải có đời sau. Cho đến các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các Bạc Ứng Cúng, Thế Gian Giải nhờ trí tuệ tự thông tỏ nên biết rõ sự thật. Vậy vua không nên chấp theo kiến giải như trước.

Vua lại đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, lời nói đó chẳng đúng, tâm của tôi chưa đồng ý, không thể lại nói rằng thật có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Ý của vua như thế, vậy có ví dụ nào có thể chứng minh nữa chẳng?

Vua đáp:

–Nay tôi lại có một ví dụ về người thân, có thể dùng để chứng minh. Này Tôn giả Ca-diếp, như người thân thuộc của tôi bị bệnh nặng, sắp sửa mạng chung. Tôi đến dặn dò và nói với người bệnh: “Tôi nghe các vị Sa-môn, Bà-la-môn thường nói như vậy: ‘Nếu người nào trì giới, tu các pháp thiện, hoặc là bố thí mà người cho, người nhận và vật được cho đều thanh tịnh, thấy người khác đạt được điều thù thắng không sanh lòng ganh tị. Người ấy khi mạng chung được sanh lên cõi trời.’

Nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy mà đúng thì sau khi ông mạng chung, chắc chắn sẽ sanh về cõi trời. Vì sao? Ta thấy ông thường có đủ giới hạnh tu pháp thiện, khi thực hành bố thí thì người cho, người nhận và vật bố thí đều được thanh tịnh, đối với việc thù thắng của người khác không hề sanh lòng ganh ghét. Do đó nên biết chắc chắn ông được sanh lên cõi trời. Nếu được sanh lên cõi trời thì ông hãy nhờ người khác hoặc chính mình trở về để báo cho ta biết: ‘Nay tôi đã được sanh lên cõi trời đó, hưởng mọi sự an lạc’.” Nay Tôn giả Ca-diếp, các người thân thuộc của tôi ấy nếu thật đã sanh lên cõi trời thì chắc chắn phải về báo cho tôi biết. Vậy tại sao người thân thuộc của tôi chỉ thấy chết mất, không hề trở lại báo gì cả, do đó nên biết chắc chắn là không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Nay tôi cũng xin nói một ví dụ để khiến cho vua thấy là thật có đời sau. Nay đại vương, ví như có một hầm phân hôi thối không thể đến gần. Bấy giờ có một người lỡ rớt vào trong đó, dơ nhớp vô cùng nhưng nhờ phương tiện nên được thoát ra khỏi chốn ấy. Khi thân đã ra khỏi rồi, liền dùng các thứ dầu thơm nấu nước tắm rửa, lại dùng hương bột để xoa vào thân. Khi thân hình kẻ ấy đã được thơm sạch, lại dùng các loại áo Ca-thi-ca tuyệt đẹp mặc vào, dùng các ngọc báu, tràng hoa để trang sức nơi thân, rồi người ấy ở trong nhà để thọ hưởng mọi sự diệu lạc. Nay đại vương, theo ý vua thì sao? Như vậy người ấy có muốn trở vào hầm xí nơi trước nữa chăng?

Vua nói:

–Không bao giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp. Cái hầm phân hôi thối ấy người kia đâu có thích thú gì!

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Nay đại vương, người kia sanh lên cõi trời cũng lại như thế. Đã được sanh lên cõi trời rồi, há lại muốn trở về nhân gian nữa sao? Lại nữa, nay đại vương, ở nhân gian một trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Người thân của đại vương tu các pháp thiện đã được sanh lên cõi trời ngày đêm thọ hưởng sự an lạc, há còn nghĩ đến việc trở lại để báo cho vua biết: “Tôi đã được sanh ở cõi trời, ngày đêm hưởng mọi sự vui sướng”. Nay đại vương, đại vương cùng với chư Thiên thọ mạng dài ngắn có giống nhau chăng?

Vua nói:

–Không giống, thưa Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, cõi trời, cõi người vốn tự cách biệt, không nên như kẻ khờ khạo mong được trở về báo cho biết, sau đó mới có thể tin là có đời sau. Này đại vương, chỉ có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các Bạc Ứng Cúng, Thế Gian Giải mới có thể thật biết là có đời sau. Có thể dùng trí của chính mình để rõ biết một cách như thật, không nên lại có kiến chấp là không có đời sau.

Nhà vua nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Như lời Tôn giả nói cũng chưa đủ để tôi tin. Vì sao? Tôn giả nói ở nhân gian một trăm năm bằng ở cõi trời Đao-lợi một ngày một đêm. Vậy có người nào đến nói với Tôn giả là thời gian ở hai cõi khác nhau như vậy chăng?

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Như chỗ thấy của nhà vua thì cũng giống như người mới sanh ra đã bị mù. Vì sao? Người mới sanh đã mù, tự mình không thấy các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng; hình tướng vi tế, thô xấu, dài ngắn nên nói: “Như vậy vốn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng và hình tướng vi tế, thô xấu, dài ngắn”. Lại nói: “Ta không biết, ta cũng không thấy”. Người mới sanh ra đã mù ấy do tự mình không thấy nên mới chấp rằng vốn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, cho đến hình tướng dài ngắn... Này đại vương, đừng giống như người mới sanh đã mù kia chấp cho là không có các hình sắc.

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, như ý của tôi, nếu cõi trời kia thật có thì tôi liền nói có. Còn nếu quả thật là không có thì tại sao khiến tôi nói là thật có. Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả không phải là người thiện. Vì sao? Sự thấy biết của tôi vốn chân chánh, sao lại ví tôi với người sanh ra đã mù kia? Này Tôn giả Ca-diếp, những điều ông nói về việc sanh lên cõi trời... quả thật là tôi không tin. Nếu tin lời ấy thì khác nào ăn phải thuốc độc, như kiếm nhọn đâm vào thân, như leo lên núi mà bị ngã xuống, chỉ tự hại mạng mình mà thôi. Những điều xấu ác như vậy tôi đều xa lìa.

Tôn giả Ca-diếp nói với vua Đại Chánh Cú:

–Tôi nhớ đời xưa có một Bà-la-môn nhà cửa hết sức giàu có, mà đến khi tuổi già chỉ có một người con trai tuổi mới mười sáu, mẹ nó đã chết. Bà-la-môn kia không thể sống cô độc, bèn tục huyền. Không lâu sau người vợ kế này lại có thai. Người vợ ấy chưa kịp sanh thì ông Bà-la-môn ấy qua đời. Bấy giờ người con trai nói với mẹ kế:

–Tất cả những của cải vàng bạc châu báu cho đến tất cả vật dụng trong nhà này đều thuộc về tôi, không một người nào khác có thể phân chia tài sản vật dụng của tôi được.

Người kế mẫu kia nghe người con trai nói xong liền bảo:

–Nay tôi đã mang giọt máu của cha cậu ở trong bụng, hãy chờ nó lớn khôn thì chia cho nó một nửa.

Người con trai kia vẫn nói lại những lời như trước. Người kế mẫu suy nghĩ: “Thằng nhỏ này tuổi còn thơ ấu, tánh tình đại khờ. Tuy mình đã nói hết lời nhưng nó vẫn chưa thể hiểu”. Lại do lòng tham nên muốn gấp thấy đứa con trong bụng ra đời, bà dùng nhiều phương tiện để được sanh nhanh. Do chưa đủ ngày tháng nên việc ấy trở lại làm hư thai. Nay đại vương, người đàn bà kia vì lòng tham lam ganh ghét nên trở lại làm hư thai của chính mình. Nay đại vương, nay ngài vì không chịu nhận thứ tìm hiểu nên mới khởi lên đoạn như vậy.

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả chớ nói lời như trước: “Ai trì giới, tu thiện và thực hành bố thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời, thọ mạng lâu dài, thường thọ hưởng an lạc”. Tôi thật tình không tin như vậy. Nay tôi nếu tin vào lời của Tôn giả thì đó là ăn thuốc độc, là bị gươm nhọn đâm vào thân mình, là rơi từ núi cao xuống, chỉ tự hại mình mà thôi. Tại sao Tôn giả Ca-diếp vẫn cứ giữ mãi những lời nói như vậy? Theo như ý tôi thì chắc chắn không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Há không còn ví dụ nào để chứng minh cho lời của ngài nữa sao?

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tôi lại có một ví dụ cho việc ấy, để biết là không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh. Này Tôn giả Ca-diếp, như bà con thân thuộc của tôi bị bệnh nặng, tôi liền đến đó an ủi, thăm hỏi. Khi người ấy chưa chết thì còn nói chuyện

với tôi về sự khổ não của y, đến khi chết rồi thì không còn nói với tôi về sự khổ não nữa. Do đó có thể biết rằng chắc chắn là không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Tôi nhớ ngày xưa có một thôn xóm, dân chúng trong đó không biết tiếng hình tướng của tù và, lại cũng chưa từng nghe tiếng tù và bao giờ. Bỗng nhiên có một người từ ngoài đi đến, dừng chân ở thôn xóm này. Người ấy thường cầm một vỏ ốc để làm công việc, mỗi ngày cầm tù và đi đến chỗ tượng Thánh thối lên để cúng dường, xong thì trở về trú xứ. Lúc đó tất cả dân chúng trong thôn xóm bỗng nhiên nghe tiếng tù và ấy thấy đều kinh sợ, cùng nhau bảo: “Đó là tiếng gì vậy? Chúng ta chưa hề nghe tiếng như thế”. Nay đại vương, tất cả dân chúng trong thôn xóm khi ấy cùng đến chỗ phát ra tiếng tù và hỏi cái tù và kia:

–Người từ đâu đến, phải nói sự thật, nếu nói không đúng sự thật, chúng ta sẽ đập phá người! Tù và nếu biết ý của chúng ta tất phải nói gấp lý do.

Này đại vương, đám dân chúng kia đối với hình tướng của vỏ ốc cùng tiếng tù và, vốn chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe, nên muốn bảo cái vỏ ốc đó hỏi đáp với họ. Vỏ ốc đã là vật vô tình thì đâu có thể trả lời được! Vì sao vậy? Bởi vì nó cũng như đại vương muốn nói chuyện với người đã chết. Người đã chết rồi há có thể nói lại được sao? Đại vương không nên chấp giữ kiến giải như vậy, cho rằng không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn đạt được đầy đủ thiên nhãn, dùng thiên nhãn thanh tịnh ấy nên thấy rõ con người chết ở đây, sanh ở kia, thọ thân hình đẹp hay xấu, đoan nghiêm hay thô lậu, được sanh lên cõi trời hay đọa vào cõi ác. Nay đại vương, những việc như vậy đều có thể chứng minh được cả. Vậy không nên nói không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tuy ngài nêu ví dụ như vậy nhưng tôi vẫn không tin. Theo kiến giải của tôi thì chắc chắn không có người thọ sanh, cũng không có hóa sanh, không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua Đại Chánh Cú:

–Nếu như vậy, vua lại có ví dụ gì nữa để chứng minh rằng không có người thọ sanh, cũng không có đời sau, không có hóa sanh chăng?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, ví như quan coi về pháp luật xử trị con người, đến khi thực hiện thì tự mình vi phạm những luật cấm, sau đó bị hạch hỏi, tấu trình lên vua mọi việc. Vua đều biết rõ nên ra lệnh cho quan Pháp ti dẫn tội nhân đi, cứ y theo pháp luật mà xử. Vua lại ra lệnh trói chặt hai tay tội nhân lại, đem đến pháp trường để trừng trị thật thích đáng, dùng các thứ cực hình để xử theo tội nặng nhẹ. Người ấy khi còn sống thì biết khổ đau, nếu đã chết rồi thì không còn hơi thở nữa. Lại nữa, kẻ tội phạm ấy lúc chưa chết thì thân thể mềm mại, nhưng khi chết rồi thì thân thể cứng đờ. Cho đến việc nhẹ lúc còn sống, nặng lúc đã chết khác nhau. Này Tôn giả, do đó mà biết chắc chắn là không có đời sau, không có người thọ sanh, cũng lại không có sự hóa sanh chi cả.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, theo ý ngài thì thế nào? Ví như cục sắt cũng có nhẹ nặng, mềm cứng khác nhau? Khi sắt nóng thì thể chất của nó nhẹ mà mềm, để sắt nguội đi thì thể chất của nó nặng mà cứng. Này đại vương, loài hữu tình hay vô tình thân tướng đều bảm thọ từ tứ đại, do tứ đại ấy mà có sự hợp hay tan, do đó nên có sự sai khác về mềm cứng, lạnh nóng. Đừng nên đem lý này để so sánh với đời sau và sự hóa sanh... Đại vương nên biết, thật có các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chứng đắc đầy đủ thiên nhãn, thấy các chúng sanh chết ở đây sanh ở kia, cho đến thân tướng đoan nghiêm hay thô xấu, hoặc sanh ở cõi trời hay đọa vào đường ác, họ đều có thể chứng biết là thật có đời sau, có hóa sanh.

Vua nói:

–Thưa Tôn giả, như lời ngài nói thì chưa đủ để vững tin. Theo ý tôi thì quả thật không có người thọ sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

**
*

PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ

QUYỂN HẠ

Tôn giả Ca-diếp lại nói với vua Đại Chánh Cú:

–Vậy nhà vua còn có ví dụ nào nữa để chứng minh là không có người tái sanh và không có đời sau, cũng không có hóa sanh?

Vua đáp:

–Tôi lại có một ví dụ có thể chứng minh cho lý của tôi. Nay Tôn giả, ví như có người phạm tội rất nặng. Quan cận thần biết được liền tâu với vua hiện nay có người này phạm tội rất nặng. Nhà vua nghe tâu rồi liền ra lệnh cho quan trực thuộc bắt trói tội nhân, theo pháp luật xử trị. Quan Pháp ti vâng lệnh vua, dẫn tội nhân đi, trói chặt hai tay, bỏ vào trong vạc mà đun nấu. Vua lại ra lệnh hãy nấu cho thật nhừ, thịt xương rời ra, rồi lấy cây dò thật kỹ trong cái vạc, để xem kẻ ấy có thành đời sau và sự hóa sanh... ra vào không? Quan Pháp ti chấp hành theo lệnh vua nấu tội nhân cho đến lúc thịt chín nhừ, rồi tìm thật kỹ trong vạc, rốt cuộc không thấy có đời sau của con người và sự hóa sanh... ra vào chi cả. Cho đến trước sau tìm kiếm nhiều lần mà vẫn chẳng thấy gì.

Vua nói:

–Nay Tôn giả, do ví dụ đó mà biết quả thật là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Nay đại vương, ví như có người trong giấc ngủ mộng thấy một khu vườn tuyệt đẹp. Trong vườn có nhiều thứ cây cối, hoa quả sầm uất, ao nước trong vắt. Người ấy ở trong giấc mộng hết sức ưa thích. Nay đại vương, cái vườn ấy là có thật chẳng? Và sự xem chơi, thưởng ngoạn, việc người ấy đi ra, đi vào trong khu vườn kia là có thật chẳng?

Vua đáp:

–Không có thật, thưa Tôn giả Ca-diếp. Những điều thấy trong giấc mộng đều chẳng phải là chân thật.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Cũng như sự chấp trước về đoạn diệt của đại vương chẳng phải là chân thật. Nay đại vương, cần phải biết rõ sự thật là thật có người

tái sanh, có đời sau, có hóa sanh, cho đến thật có các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chứng đắc đầy đủ thiên nhãn thanh tịnh, vượt hơn thế gian, thấy các chúng sanh chết ở đây, sanh ở kia, thân tướng đoan nghiêm hay xấu xí, được sanh lên cõi trời hay bị đọa vào địa ngục. Đó là sự chân thật không nên trở lại chấp đoạn như trước nữa.

Vua nói:

–Này Tôn giả, tại sao Tôn giả cứ luôn luôn nói những điều như vậy? Theo ý tôi biết thì chắc chắn là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Đại vương còn có ví dụ nào để chứng minh là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh?

Vua bảo:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tôi còn có một ví dụ để chứng minh cho lý của mình. Ví như có người chấp hành việc của vua, nhưng tự mình lại vi phạm những điều lệ. Quan cận thân tâu hết sự việc ấy lên nhà vua. Vua nghe xong, bèn lệnh cho quan Pháp ti tra hỏi cho ra sự thật. Khi tội nhân đã nhận tội thì nên dùng hình phạt để xử trị. Vua ra lệnh trước tiên là xẻo da thịt, sau đó cắt gân, mạch, chặt xương, đập tủy để tìm kiếm thần thức người ấy và kẻ hóa sanh. Quan Pháp ti vâng lệnh vua, cứ theo pháp luật thi hành, đúng như lời vua bảo không dám trái lệnh, nhất nhất theo thứ lớp xẻo da, cắt thịt cho đến cả gân mạch, xương, tủy ở bên trong thân thể tội nhân cũng bị cắt xẻo để tìm kiếm thần thức của con người hóa sanh... Từ đầu đến cuối hoàn toàn không thấy có thần thức của con người cùng sự hóa sanh gì cả. Này Tôn giả, cứ lấy ví dụ này mà biết thì quả thật là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương, tôi nhớ thời xưa có một đạo nhân sống ở trong núi. Bấy giờ có một đoàn khách buôn đem theo nhiều xe cộ chở nhiều của cải, đến gần am của đạo nhân dừng lại ngủ qua đêm rồi bỏ đi. Vị đạo nhân kia vào lúc sáng sớm vội đến xem chỗ các người khách buôn ngủ đêm qua, sợ còn bỏ sót tài vật gì chẳng. Quả nhiên ở đó thấy có một đứa bé mới bỏ bú, chưa biết gì cả, hẳn là do các khách buôn bỏ lại. Đạo nhân thương xót, sợ đứa bé kia đói khát mà

chết, bên đem về trong am mình nuôi dưỡng nó như người thân. Nhưng vì đạo nhân này là người thờ lửa, luôn chuyên chú tâm bỏ thêm củi vào đống lửa, nên lửa trong nhà ông chưa bao giờ bị tắt. Cậu bé ấy ngày qua tháng lại, dần dần lớn khôn, tuổi đã được mười tám, mười sáu. Đạo nhân suy nghĩ: "Cậu bé đã lớn khôn, ta hoàn toàn có thể giao phó công việc cho nó được". Một ngày nọ, đạo nhân vì có việc nên phải vào thành, tạm thời rời xa am của ông. Ông bảo cậu bé: "Ta có công việc nên tạm thời phải xa am. Lửa trong am, hãy như ta mỗi ngày liên tục bỏ thêm củi vào đống để cho nó tắt". Nói xong ông liền ra đi. Đạo nhân đã đi khỏi, cậu bé còn dài khở nên ham chơi, do ham chơi nên quên thờ lửa, vì không bỏ củi liên tục vào đống lửa nên làm lửa tắt. Bấy giờ, cậu bé thấy lửa đã tắt, liền lượm hết củi chất vào lò rồi cầu nguyện: "Này lửa, hãy mau xuất hiện. Nếu lửa không xuất hiện ta sẽ hủy hoại người".

Cậu bé ấy đã khổ sở cầu xin, nhưng cuối cùng lửa vẫn không cháy. Do lửa không cháy nên cậu bé lại phát ra lời nói ác: "Nếu lửa không xuất hiện, ta sẽ danh người".

Khi ấy, cậu bé mong có lửa mà lửa vẫn không hiện, trong lòng rất lo sợ nếu đạo nhân trở về, chắc chắn sẽ danh nó. Nó đứng một chỗ để suy nghĩ đến lửa.

Công việc xong xuôi, đạo nhân lại trở về am, thấy cậu bé ngồi im lặng, liền biết là lửa đã tắt. Ông bảo hàng bé: "Con ham chơi bởi lâu lòng đến nỗi để lửa tắt sao?". Đồng tử thưa: "Con vừa quên một chút thì lửa đã tắt rồi. Sau khi lửa tắt, con chất củi vào trong lò, dùng lời thiện, ác để cầu đảo nhưng lửa vẫn không xuất hiện". Đạo nhân nói: "Con thật là khờ dại, nếu lửa đã tắt, muốn có lửa thì phải đốt lửa. Ta chưa từng nghe ai nói là cứ chất củi vào trong lò là có lửa xuất hiện bao giờ! Giả sử con cứ chất thật nhiều củi vào trong lò, rồi dùng đủ các phương tiện để mong có lửa thì chỉ từ mình chuốc lấy khổ sở chứ không thể làm vậy mà có lửa được". Này đại vương, cũng như đứa bé, sau khi lửa tắt rồi, cứ tìm lửa trong tro, sự mê chấp, sự không tinh ngộ của đại vương cũng vậy. Đối với cái thấy chết mà tìm cầu thân thức của con người và kẻ hóa sanh, rồi vòng chấp cho là không có thân thức, nên khởi ra đoàn.

Vua nói:

–Này Tôn giả, chớ nói lời như vậy! Nếu tôi theo lời ngài nói rằng có đời sau, chắc chắn là tôi sẽ bị người ta dị nghị. Vì sao vậy? Vì ở đây mọi người sẽ nói như vậy: “Từ xưa nhà vua vốn không tin nhân quả, thường nói là không có đời sau, không có thần thức, cũng không có hóa sanh. Ngày nay nhà vua lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa nên không còn dị kiến đó nữa”.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, tôi nhớ thuở trước có hai người khách buôn, họ đều có tài sản châu báu hơn cả một nước. Về sau, họ giao ước kết nghĩa làm bạn với nhau, cùng đi đến một nước khác, đem hàng hóa để buôn bán kiếm lời. Hai người khách buôn ấy mỗi người đều tập hợp một số thương nhân để làm bạn đồng hành. Bấy giờ mọi người đều chuẩn bị xe cộ, sắp đặt ngựa kéo trong cùng một ngày thì lên đường. Cứ nhắm về phía trước mà đi cách nước mình đã xa, gần tới chỗ hiểm trở. Một người khách buôn biết rõ con đường ấy ở phía trước có chỗ nguy hiểm nên bảo vị chủ buôn kia: “Ông nay nên biết, con đường ở phía trước đây rất hiểm trở, không có người, không có khói lửa chi cả. Vậy tất cả thương nhân phải chuẩn bị đầy đủ các thứ vật dụng cần thiết”.

Hai người chủ buôn luận bàn xong, một người đi trước, nghĩ: “Đoàn của mình ít người nên nhu cầu cũng ít. Tất cả vật dụng, lúa mì, thức ăn uống cho đến củi để đốt cũng đều bỏ lại hết”. Tiếp tục đi về phía trước bỗng gặp một người đi ngược chiều, thân hình to lớn, da đen, hai mắt đỏ ngầu, đầu tóc bờm xờm, áo quần rách rưới, ngồi trên một chiếc xe do lừa kéo, hình dáng như quỷ. Chủ buôn hỏi người ấy: “Này nhân giả, con đường phía trước có đồ ăn thức uống và củi đốt... chứ?”. Người kia trả lời: “Con đường phía trước có rất nhiều thức ăn uống, củi đốt không thiếu gì cả. Những thứ ấy ông có chở trên xe thì hãy nên vứt tất cả đi, chỉ khiến cho xe thêm nặng nề làm chậm bước đi tới con đường phía trước mà thôi”. Chủ buôn nghe lời nói ấy, liền bảo các thương nhân: “Tất cả chúng ta đều nghe nói là đồ ăn, thức uống và các thứ vật dụng nơi con đường phía trước chẳng thiếu gì cả. Đâu cần mang những thứ ấy trên xe ngựa cho vướng bận”.

Vì chủ buôn này và các bạn đồng hành đều là những người, không có trí tuệ, nên họ vứt bỏ những vật dụng cần thiết rồi đi. Họ đi

cả ngày thứ nhất cho đến lúc mặt trời lặn chỉ gặp toàn là đồng không mông quạnh, không gặp người hay khói lửa chi cả, nhìn bốn bên đều trống vắng, chẳng có gì để cung cấp, đồ ăn thức uống bị thiếu hụt, tất cả đều bị đói khát. Họ chịu sự đói khổ suốt đêm, sáng ra lại gắng sức đi tới nữa. Bước sang ngày thứ hai, cũng đi tới tối chỉ toàn là đồng vắng, chẳng thấy gì cả. Các khách buôn cùng nhau bàn bạc: “Kẻ mà chúng ta gặp trước đây, xem qua tướng mạo nhất định biết nó là quỷ rồi. Chúng ta không có trí tuệ nên mới tin vào lời nó, bị loài yêu tinh dối gạt nên chúng ta mới đến nông nỗi này”. Tới ngày thứ ba, cả người lẫn ngựa đều thiếu lương thực và nước uống nên không thể đi được nữa. Họ nhìn nhau, chẳng nói lời nào, chỉ còn chờ chết mà thôi. Người chủ buôn kia thì qua ngày hôm sau mới lên đường, cũng gặp người như trước ngược đường đi đến, mới hỏi: “Con đường phía trước này có đồ ăn uống và các thứ vật dụng cần thiết không?”. Người ấy cũng như lần trước, mỗi mỗi đều nói dối: “Các nhu cầu về ăn uống chẳng thiếu, cần gì phải chở các thứ ấy trên xe, trên ngựa cho nặng. Các ông nên vứt bỏ các thứ ấy đi”.

Người chủ buôn sau là hạng thông minh trí tuệ, hễ làm điều gì trước hết đều suy nghĩ cẩn thận. Ông vốn biết con đường này có vùng đồng không mông quạnh rộng lớn, rất nguy hiểm, qua vùng đất này đâu thể đi mau được. Ông lại quán sát người nói chuyện với mình sắc mặt khác lạ, hành vi thô ác, nên sợ đây có thể là yêu tinh dối trá, không nên tin tưởng. Ông cùng các thương nhân luận bàn với nhau xong rồi tiến hành. Đến ngày thứ ba, bỗng thấy trên đường đám chủ buôn và các thương nhân đoàn trước bị đói khát cùng quẫn. Hỏi lý do thì cũng chính là vì gặp con yêu tinh xấu ác ấy và nghe theo lời dối gạt của nó. Các thương nhân đoàn sau cùng nhau bàn tính rồi đem phần lương thực của mình chia sẻ cho đoàn trước, cứu giúp họ, để các thương nhân kia cùng vượt qua được quãng đường hiểm trở.

Này đại vương, người chủ buôn kia vì ngu si nên mới tin lời yêu tinh dối gạt, đi đến con đường hiểm thọ lãnh bao sự khổ não cùng cực. Này đại vương, do không hiểu biết cho nên mới chấp đoạn kiến, chắc chắn đại vương cũng sẽ mãi chịu khổ não cùng cực.

Vua Đại Chánh Cứ nghe lời nói ấy thì bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Thôi đừng dẫn ví dụ nữa, tâm tôi không hồi tỉnh đâu. Vì sao như

vậy? Vì e rằng người trong nước gọi tôi là người bất định. Họ bảo: “Đại vương Chánh Cú thường nói thật không có người tái sanh, không có hóa sanh, cũng không có đời sau. Nay trở lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa”. Do đó, nên tôi nay không thể thay đổi kiến giải từ trước của mình.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

—Xưa có hai người, tài sản không nhiều, họ bèn kết bạn với nhau để kinh doanh. Tiền bạc của cả kiếm được tuy khác nhau nhưng nếu có lợi hãy báo cho nhau biết. Kết ước xong xuôi, cả hai chọn ngày lên đường. Khoảng mấy ngày đường, họ đến một nước khác, đất ở đây có rất nhiều cây gai, bỏ tiền ra mua sẽ có lãi. Hai người bàn tính rồi bỏ tiền ra mua, bó cột lại gọn gàng rồi gánh đi, nói với nhau: “Đến nước khác hễ có lợi thì bán ngay”. Họ đi lần về phía trước tới một nước khác, thấy loại sợi bông được lời gấp bội, có thể bỏ cây gai để lấy sợi bông này. Một người có trí thì tìm người bán cây gai để mua sợi bông, còn người kia không có trí nên nói với bạn đồng hành: “Tôi không thể đổi cây gai để lấy sợi bông được. Vì sao? Vì cây gai hiện có này, tôi đã ra công cột bó rất chặt chẽ, gọn gàng, lại gánh từ xa đến đây nên thật tình tôi không thể đổi nó để lấy thứ khác được”. Ngày hôm đó, hai người đều gánh hàng của mình. Họ tiếp tục đi tới, lại đến một nước khác, hàng ở đó là loại sợi tơ có lợi hơn sợi bông. Người có trí liền bán sợi bông để lấy sợi tơ, còn người không trí thì lại nói như trên: “Tôi không thể đổi cây gai để mong kiếm lời của loại hàng tơ sợi đó”. Hai người lại mang hàng của mình tiếp tục đi về phía trước, vào một nước nhiều vải lụa giá rẻ, có lợi hơn tơ gấp bội. Người có trí thấy lợi như thế, liền đổi sợi tơ để lấy vải lụa. Còn người không có trí, vì tiếc cây gai đã mang từ xa đến, nên không chịu đổi. Hai người lại mang hàng của mình đi tiếp tới một nước chuyên nghề đúc tiền, vải lụa tuy quý nhưng so với bạc thì kém xa, nếu đổi lụa lấy bạc thì lợi gấp trăm lần. Người có trí liền bán lụa mua bạc thu được lợi vô số, còn người không có trí thì cho rằng tuy gai này không đáng giá là bao, nhưng vì tiếc công sức gánh đi nên không chịu đổi. Người có trí lại nghe nói ở nước kia chỉ sản xuất vàng, hoàn toàn không có bạc, liền bảo với bạn: “Chúng ta hãy đến nước ấy”. Chẳng bao lâu họ đến nơi. Lúc ấy người có trí liền bán bạc để mua vàng ròng. Khi mua được vàng rồi, anh ta

ngắm nghĩa, rất vui mừng, tự tính toán: “Ngày trước ta rời nhà đi buôn bán vốn liếng chẳng là bao, ban đầu ta mua cây gai cho là đã có lợi lớn, nhưng không ngờ đến nay mua được vàng ròng, thế gian quý trọng nó không gì bằng, ta đem nó về quê nhà sẽ giàu to”. Anh liền gọi bạn: “Thời gian trải qua đã lâu rồi, vậy chúng ta hãy cùng nhau trở về nước mình, tùy theo của cải có được mà giúp đỡ bà con quyến thuộc”. Khi ấy người gánh cây gai nói với bạn: “Tôi đã mua cây gai này những mong được lợi lớn, nào ngờ đến đây mới hay chẳng lợi bao nhiêu. Nay anh muốn trở về tôi đâu dám cản. Thôi thì tôi sẽ gồng gánh những bó cây gai này cùng nhau trở về, nếu gặp giá cao thì tùy chỗ sẽ bán”. Bàn tính xong họ chọn ngày cùng nhau trở về đường cũ. Khi gần đến quê nhà, những người thân tộc được tin đều ra ngoài thành để đón, ai cũng vui mừng vô cùng và đều trở về nhà. Nhà của người mua được nhiều vàng, khi cha mẹ vợ con hỏi đi buôn bán thu được lợi gì, người ấy liền đáp được nhiều vàng, gia đình có thể giàu có, cho đến người trong tộc họ cũng đều được giúp đỡ. Còn người gánh gai thì khi người nhà hỏi: “Từ lúc đi buôn bán anh được lợi gì?”. Người ấy đáp chỉ được cây gai này chớ chẳng được vật gì khác. Cả nhà nghe xong đều bức rức buồn rầu, bảo người ấy: “Theo cách kinh doanh buôn bán của ông thì cả gia quyến chúng ta vẫn cứ nghèo khổ mãi mà thôi”.

Này đại vương, người gánh cây gai ấy do tánh cố chấp, ngu tối, tuy thấy vàng thiệt mà vẫn không chịu đổi lấy đến nỗi thân quyến cứ mãi chịu cảnh khổ sở. Cũng giống như đại vương không tự tìm hiểu mà cứ giữ lấy chấp đoạn, mãi chịu lấy khổ đau, về sau hối hận cũng không kịp.

Nhà vua nghe lời ấy rồi thì nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Ý của tôi không thay đổi là có lý do. Do người trong nước này đều biết kiến giải của tôi. Nếu tôi bỏ kiến giải của mình thì người trong nước sẽ cùng nhau bàn tán: “Đại vương Chánh Cú thường nói là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh. Ngày nay trở lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa”. Tôi nhất định không thể chịu sự sỉ nhục này.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương, tôi nhớ ngày xưa có một người không biết luật lệ, nuôi nhiều heo kiếm lợi để sinh sống. Anh ta bỗng một hôm đi đến

xử khác, thấy phân thối rất nhiều, liền hốt lấy, đội trên đầu, muốn mang về nhà cho heo ăn. Bất thần nửa đường gặp trời mưa, nước phân chảy thối cả người, trong lòng liền hối hận. Này đại vương, người không biết luật ấy bị mọi người khinh chê, chờ cho thân thể bị hôi thối rồi mới chịu hối tâm. Vua là người ở địa vị tôn quý, trở lại coi trọng những lời nói phù phiếm rồi chuyên chấp chặt trong tâm mà không xả bỏ đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, trước đây tôi đã khéo nói các thí dụ nhằm khiến cho đại vương xả bỏ đoạn kiến, biết có đời sau và đặt niềm tin nơi Tam bảo. Vọng chấp của đại vương là cố chống đối lại tôi. Nay tôi lại vì đại vương nói thêm một ví dụ nữa. Nếu nhà vua tin được thì hãy lắng nghe, khéo ghi nhớ.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, xin hãy nói cho tôi nghe.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Tôi nhớ thuở xưa có một con heo tên là Đại Phúc. Khi ấy Đại Phúc dẫn một bầy heo đi vào núi sâu, bỗng gặp một con sư tử. Sư tử thấy con heo bèn bảo: “Ta là vua của các loài thú, người mau tránh đường cho ta đi”. Đại Phúc đáp: “Bảo ta tránh đường cho người đi, việc này không thể được”.

Sư tử nói: “Vậy hãy cùng ta chiến đấu, không được trái lệnh”. Heo nói: “Chờ ta một chút, để ta mặc áo giáp”. Khi ấy con sư tử nói: “Tên họ người là gì. Người đâu phải là dòng dõi cao quý mà dám chiến đấu với ta như vậy? Hãy mặc áo giáp đi và tùy ý người”. Lúc ấy con Đại Phúc bèn đi vào chỗ hầm phân, lăn làm phân dính đầy mình rồi trở lại trước mặt con sư tử, nói: “Ta sẽ chiến đấu với người”. Sư tử bảo Đại Phúc: “Ta là vua trong các loài thú, thường bắt các loài hươu nai để ăn thịt. Còn đối với các con vật ốm yếu thì ta tha không ăn. Huống chi thân người dơ nhớp, hôi thối. Nếu ta chiến đấu cùng người chỉ làm ô uế cho ta mà thôi”. Bấy giờ sư tử nói với con Đại Phúc bằng bài kệ:

*Thân người vốn dơ nhớp
Nay lại càng hôi thối
Ý người muốn chiến đấu
Chỉ làm ta ô uế.*

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Kiến chấp của đại vương cũng giống như con heo đòi chiến đấu với con sư tử. Như con sư tử, tôi trước đã vì đại vương mà hết lòng nêu bày.

Bấy giờ vua Chánh Cú nghe Tôn giả Ca-diếp nói lời ấy xong, trong thâm tâm xấu hổ, hối hận nên thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả, ngay từ lúc đầu nghe Tôn giả nói ví dụ về mặt trời, mặt trăng, tôi đã tin phục. Nhưng chỉ vì muốn lãnh hội sự biện tài trí tuệ của Tôn giả, nên tôi mới biện luận quanh co để nghe Tôn giả giảng nói. Cúi mong Tôn giả xét sự thành tâm của tôi và nhận biết sự tín phục của tôi. Tôi xin nguyện quy y Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Chớ nên quy y với tôi. Chỗ tôi quy y đó là Phật, Pháp, Tăng. Vua hãy theo đó mà quy y.

Vua lại nói:

–Theo lời dạy của Tôn giả, tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ giới cận sự. Từ nay về sau, tôi nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối và không còn uống rượu nữa, cho đến khi mạng chung, xin giữ tịnh giới của Phật.

Bấy giờ đại vương Đại Chánh Cú thọ nhận sự giáo hóa xong, thành tâm hướng về Đức Phật thọ ba pháp tự quy y, trọn phụng hành năm giới, rồi cùng các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... hoan hỷ lễ bái rồi lui ra.



SỐ 46

**PHẬT NÓI KINH BÁT NIỆM CHO
A-NA-LUẬT**

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư Chi Diệu, người Tây Vực.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ngụ bên cội cây Cầu sư, núi Thệ mục. Hiền giả A-na-luật ngồi thiền bên bờ đầm vắng, tư duy: “Đạo pháp là ít ham muốn. Nhiều ham muốn không phải là đạo pháp. Đạo pháp là biết đủ. Không biết đủ, không phải là đạo pháp. Đạo pháp là sống ẩn dật thanh tịnh, ưa thích sự đông đảo không phải là đạo pháp. Tinh tấn là đạo pháp, biếng trễ không phải là đạo pháp. Điều phục tâm là đạo pháp, phóng túng buông lung không phải là đạo pháp. Tâm ý an định là đạo pháp, nghĩ ngợi nhiều không phải là đạo pháp. Trí tuệ là đạo pháp, ngu tối không phải là đạo pháp”.

Đức Phật dùng tâm của bậc Thánh biết rõ ý của Tôn giả A-na-luật. Ví như lực sĩ co duỗi cánh tay chỉ trong khoảnh khắc liền hiện đến trước chỗ Tôn giả khen ngợi:

—Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật, những điều mà Tôn giả suy niệm chính là điều mà bậc Đại sĩ suy niệm. Hãy lắng nghe Ta nói về tám điều suy niệm của bậc Đại sĩ, hãy khéo suy nghĩ mà thực hành. Hãy nên học Tứ thiền, kiểm soát tâm ý, quán sát, không bỏ nửa chừng, chắc chắn đạt được lợi ích lớn, không mất chí nguyện. Sao gọi là Tứ thiền? Đó là xả bỏ pháp dục ác, bất thiện, ý được hoan hỷ là Nhất thiền hạnh. Nhờ xả niệm ác, chuyên tâm vào một cảnh, không cầu

hoan hỷ là Nhị thiên hạnh. Hoan hỷ đã chấm dứt, chỉ như pháp quán, thấy rõ khổ vui là Tam thiên hạnh. Đã bỏ khổ vui, lo mừng đều đoạn, an trụ nơi thanh tịnh là Tứ thiên hạnh. Đã học như vậy rồi, sau đó thực hành tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Tứ thiên là phương pháp kiểm soát tâm ý, vui thích thấy chỗ thực hành đạt được lợi nguyện nhanh, không bỏ cuộc nửa chừng. Hơn nữa, người ít ham muốn ví như vua có cận thần, trông coi các ruộng hòm chứa đầy y phục đẹp, nhưng vua lại thích mặc đồ cũ, thiếu dục, biết đủ, ở ẩn, tinh tấn, điều tâm, định ý, trí tuệ, lìa bỏ gia đình, không vui đùa, khinh mạn, không mắc sai lầm, chắc chắn đó là người an ổn, đi đến cửa Nê-hoàn tịch diệt. Đó là tám điều suy nghĩ của bậc đại nhân.

Duy chỉ có Tứ thiên là phương pháp quán niệm để kiểm soát tâm ý, nghĩa của nó ví như nhà vua có vị cận thần trông coi việc nấu nướng, chế biến năm vị, nhưng vua lại ưa thích việc đi khát thực, mục đích đủ để nuôi thân, không mong hưởng thụ. Ý nghĩa ấy ví như nhà vua có lầu gác cao rộng để trông xem, nhưng tự vui thích nơi núi đầm rừng cây, chỗ yên tĩnh, tinh tấn không còn ham muốn đối với thế gian. Ý nghĩa đó ví như nhà vua có vị quan thân cận trông coi biết rõ các thứ thuốc hay cùng các đồ ăn như lạc, tô, đề hồ, thạch mật, nhưng vua tự vui thích khi có bệnh chỉ thuốc bình thường để được trừ bỏ khổ não. Nhờ thực hành tám điều suy niệm, tư duy về Tứ thiên, tinh tấn không thiếu sót, tâm không sai lầm nên chắc chắn tự mình đạt được an ổn, đi tới cửa Nê-hoàn.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, liền trở về Thệ mục, bảo các đệ tử:

–Đạo thì phải ít ham muốn, không được có nhiều ham muốn. Đạo thì phải biết đủ, không được tích chứa cho nhiều. Đạo thì phải ở chỗ yên tịnh, không nên ưa thích chốn đông đảo. Đạo thì phải tinh tấn, không được biếng trễ. Đạo thì phải điều phục tâm, không được buông lung phóng túng. Đạo thì phải định ý, không được loạn niệm. Đạo thì phải có trí tuệ, không được ngu ám. Tỳ-kheo phải lấy sự ít ham muốn làm vui thích. Đó là thân tự ít ham muốn, nhưng không khoe khoang với mọi người là mình thiếu dục. Ý nghĩa như vậy mới đúng.

Tỳ-kheo biết đủ đó là các thứ bình bát, y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh, chỉ cần đủ dùng, đừng nên chứa nhóm cho dư. Ý

nghĩa như vậy mới đúng. Tỳ-kheo ở ẩn, đó là tránh người thế gian, không vào chốn đông đúc, ở những chốn xa như núi đầm, hang đá, gốc cây. Như có tứ chúng, nếu các hàng vua, đại thần đến để hỏi đạo thì hãy nói pháp thanh tịnh cho họ nghe, xong rồi đi liền. Thí như kẻ nghèo mắc nợ người giàu có, bị chủ nợ lôi kéo, kẻ ấy muốn xa lánh, không thích nên ở ẩn, xa lìa mọi người. Như vậy mới đúng nghĩa. Tỳ-kheo tinh tấn là đoạn trừ điều phi pháp, siêng năng thực hành kinh đạo, chưa hề biếng trễ. Đầu đêm, nửa đêm, cuối đêm đi kinh hành, ngồi hay nằm, tâm ý luôn tỉnh giác, nhớ nghĩ điều thanh tịnh để trừ năm thứ phiền não che lấp. Như vậy mới đúng nghĩa. Tỳ-kheo điều phục tâm là bỏ dục, pháp ác, ngồi nhập định, tư duy, quán tưởng để đoạn trừ khổ, mong đạt được tứ thiên hạnh. Như vậy là đúng nghĩa. Tỳ-kheo định ý là thường nhất tâm quán thân, quán ý, quán pháp không bị ngoại cảnh chi phối, thân giữ niệm theo đạo, bỏ tướng ngu si khổ não. Như vậy là đúng nghĩa. Tỳ-kheo có trí tuệ, đó là biết rõ Tứ đế: Khổ, Tập, Tận (Diệt), Đạo.

Sao gọi là Khổ đế? Đó là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, ham muốn mà không đạt được là khổ. Tóm lại, năm ấm dấy khởi mạnh là khổ. “Sanh khổ” là con người tùy theo nghiệp tạo tác dẫn dắt, thọ nhập vào thai sanh ra, có hình thể, hiện căn thân, có nhập, có thọ mà lớn lên. “Già khổ” là các căn nơi con người đã chín mùi, hình thể thay đổi, tóc bạc, răng long, gân mồi, da nhăn, lưng còng phải chống gậy mà đi. “Bệnh khổ” là con người bị đủ các thứ bệnh tật hành hạ, gây thống khổ cho thân tâm. “Chết khổ” là con người mạng chung, thân hình hư nát, hơi ấm không còn, tất thảy, thần thức đã lìa. Những thứ ấy đều là khổ.

Sao gọi là Tập đế? Đó là tâm vui thích dâm dục sanh ra ân ái, tâm ý ở nơi tham dục nên có các lậu (phiền não, sanh tử). Các hành dấy khởi mạnh, do tham đắm nên tự trói buộc. Những gì được gọi là Ái, chính là mắt tham ái sắc, tai tham ái âm thanh, mũi tham ái mùi hương, lưỡi tham ái vị, thân tham ái sự tiếp xúc, tâm tham ái các dục, chỉ thấy phần vui thích luôn có, ở nơi mong muốn an ổn, cho là lợi lạc, gọi đó là Ngã hữu, do tham chấp mà tự trói buộc. Theo đấy nên năm ấm là sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức cùng dấy khởi mạnh, mọi

nhận thức luôn hướng về ham muốn, ưa thích. Đó gọi là Ngã hữu do tham chấp nên tự trói buộc. Gọi là sắc tức là đối tượng lãnh thọ của tinh thần, do khí chất của Tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong biến hóa thành hình tướng. Gọi là sự đắm nhiễm của ái, tức là sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhận thức và vướng chấp nơi Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt (*xúc*), pháp. Tất cả gọi là Tập đế.

Sao gọi là Tận đế (*Diệt đế*)? Đó là không thọ, không nhập, ái nhiễm đã dứt hết sạch, mọi sự trói buộc tham chấp đã được cởi bỏ. Như người có tuệ kiến là do đã dứt bỏ tất cả mọi đắm nhiễm ấy. Người thế gian không thấy được sự trói buộc của năm ấm. Còn người tu tập thì dứt trừ hết mọi vướng chấp, đã mở hết các dây ái trói buộc, do trí tuệ nên thấy rõ các pháp là phi thường (*vô thường*), khổ, không, phi thân (*vô ngã*) nhờ đây mà đoạn trừ. Đó là Tập đế.

Sao gọi là Đạo đế? Đó là Tám trực đạo (*Bát chánh đạo*): Chánh kiến, chánh tư, chánh ngôn, chánh hành, chánh tri, chánh mạng, chánh chí và chánh định. Sao gọi là Chánh kiến? Chánh kiến có hai loại: có tục (*thế gian*) và đạo. Biết có nhân nghĩa, biết có cha mẹ, biết có Sa-môn, Phạm chí, biết có bậc Chân nhân đặc đạo, biết có đời này đời sau, biết có thiện ác tội phước. Từ đây đến bên kia nhờ thực hành mà chứng đạo. Đó là chánh kiến của thế gian. Nhờ hiểu Tứ đế: Khổ, Tập, Tận (*Diệt*), Đạo, đã được tuệ kiến về không, tịnh, phi thân (*vô ngã*). Đó là Chánh kiến của đạo.

Chánh tư (*Chánh tư duy*) cũng có hai: Suy tư về học vấn, suy tư về hòa kính, suy tư về răn dạy, thận trọng, suy tư về vô hại. Đó là Chánh tư của thế gian. Suy tư về nơi giải thoát, suy tư về nhẫn nhục, suy tư về sự diệt sạch hết mọi tham đắm của ái. Đó là Chánh tư của đạo.

Chánh ngôn (*Chánh ngữ*) cũng có hai: Không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, mắng chửi, không nói dối, không nói lời thêu dệt. Đó là Chánh ngôn của thế gian. Là bốn lỗi của miệng, đọc tụng giảng giải lời đạo, tâm không tạo tác, sạch hết không còn tàn dư. Đó là Chánh ngôn của đạo.

Chánh hành (*Chánh nghiệp*) cũng có hai: Thân làm điều thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ điều thiện. Đó là Chánh hành của thế gian. Thân, miệng tinh tấn, tâm nhớ nghĩ về không tịnh, diệt trừ buông

lung, chấp trước. Đó là Chánh hành của đạo.

Chánh trị cũng có hai: Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không khinh mạn tự cho mình hơn người, tu đức, tự gìn giữ. Đó là Chánh trị của thế gian. Là bỏ ba điều ác của thân, đoạn trừ mọi nguyên nhân của khổ, diệt ái cầu giải thoát. Đó là Chánh trị của đạo.

Chánh mạng cũng có hai: Cầu tiền tài theo đạo nghĩa, không tham lam của cải một cách bừa bãi, không dùng tâm dối trá đối với người. Đó là Chánh mạng của thế gian. Đã xa lìa nghiệp tà, dứt bỏ các việc làm về bói toán, đoán quẻ nơi thế gian, không phạm giới cấm của đạo. Đó là Chánh mạng của đạo.

Chánh chí (*Chánh niệm*) cũng có hai: Không ganh ghét, không giận dữ, không thờ kính điều tà vạy. Đó là Chánh chí của thế gian. Là ba điều ác nơi tâm, thực hành bốn ý đoan (*tức Chánh cần*), thanh tịnh vô vi (tịch diệt). Đó là Chánh chí của đạo.

Chánh định cũng có hai: Thể tánh thuần thực, điều hòa, an lập điều thiện kiên cố, tâm không quanh co, tà vạy. Đó là Chánh định của thế gian. Được bốn ý chí, tư duy về không, vô tướng (*vô tướng*), bất nguyện (*vô nguyện*), thấy rõ nguồn gốc của Nê-hoàn. Đó là Chánh định của đạo.

Đó là Đạo đế. Tỳ-kheo lìa bỏ nhà cửa, dứt trừ ân ái, suy tư về đạo một cách an tịnh, không còn mọi lưu luyến về thế tục, tâm ý không chạy theo dục, thanh tịnh, không chướng ngại. Đó là nghĩa của đạo pháp, phải tuân theo như vậy.

Hiền giả A-na-luật nghe Đức Phật giảng nói kinh, tâm ý được khai mở, thọ trì thực hành trong ba tháng thì các lậu được dứt sạch, ý giải thoát, đạt được Tam trị (*Tam niệm trụ*). Đã chứng đạo, tự biết mình được quả vị A-la-hán, Hiền giả liền nói bài kệ:

*Không nhằm chán dục lạc
Vị dục, tâm buông lung
Do đó phải chịu khổ
Tạo ác, nhiều trói buộc.
Ít dục, biết đạo hạnh
Biết then, không tham đắm
Là pháp đạt thanh tịnh,*

*Xa ác, vượt thế gian.
Tâm luôn trụ trong đạo
Không tham luyến sanh tử
Ta dùng Định Như không
Các khổ được diệt trừ.
Theo lời Đức Phật dạy
Giữ hạnh bỏ dục ác
Bỏ lỗi lầm nơi thân
Được lợi lạc tịch diệt.
Từ đó được Tam tri
Đã nhớ gốc ân ái
Ngay nơi xóm Duy-sa
Vườn Trúc, Bát-nê-hoàn.*



SỐ 47

PHẬT NÓI KINH XA RỜI SỰ NGỦ NGHỈ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở nơi vườn Lộc dã, tại Bà-kỳ-thi-mục-ma-tỷ-lượng.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở tại thôn Ma-kiệt Thiện tri thức, sống một mình ở chốn tịch tĩnh, đi kinh hành nhưng mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống một mình ở chốn tịch tĩnh để đi kinh hành nhưng lại bị buồn ngủ.

Đức Thế Tôn đã biết như vậy rồi, liền nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng. Nhờ ý trụ trong tam-muội, chỉ trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài đang ở trong vườn Lộc dã, bỗng nhiên biến mất, đi đến thôn Ma-kiệt Thiện tri thức, đứng trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Bấy giờ Đức Thế Tôn ra khỏi pháp định, bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Này Mục-kiền-liên, này Mục-kiền-liên! Thầy đang mắc chứng buồn ngủ chăng?

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Do niệm nào mà gây buồn ngủ thì chớ thực hành tướng ấy, chớ phân biệt về tướng ấy, chớ phân biệt nhiều. Như vậy mới lìa được chứng buồn ngủ. Nếu vẫn không lìa được chứng ấy thì này Mục-kiền-liên, hãy như giáo pháp đã được nghe, như giáo pháp đã được tụng,

nên theo đấy mà tụng tập rộng khắp. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được thì này Mục-kiền-liên, nên như giáo pháp đã được nghe, như giáo pháp đã được tụng, nên rộng nói cho người khác nghe. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được chứng ấy thì này Mục-kiền-liên, nên như pháp đã được đọc tụng, như pháp đã được nghe, tâm ý phải suy niệm, phải thực hành. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được thì này Mục-kiền-liên, nên lấy nước lạnh rửa mắt và rửa ráy khắp thân thể. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được thì này Mục-kiền-liên, nên dùng hai tay xoa lên mép tai. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được thì này Mục-kiền-liên, nên đứng dậy đi ra khỏi giảng đường, nhìn khắp bốn phương, nhìn lên các vì sao. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được thì này Mục-kiền-liên, nên ở nơi khoảng đất trống thông thả đi kinh hành, hãy giữ gìn các căn, ý nghĩ đến các việc phải làm, sau đó khởi đủ các tướng. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được thì này Mục-kiền-liên, nên trở về, không đi kinh hành nữa, trải tọa cụ lên giường mà ngồi kiết già. Như vậy sẽ là được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không là được, thì này Mục-kiền-liên, nên trở về giảng đường, gấp tư y Uất-đa-la-tăng trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, hãy khởi tướng về ánh sáng, đừng để tâm ý bị loạn động, luôn luôn khởi tướng an trụ trong tư duy muốn thức dậy. Này Mục-kiền-liên, đừng ham thích nơi giường chõng, đừng ham thích việc nằm ngủ theo phía hông bên phải, đừng ham thích ngủ nghỉ, đừng ham thích sự cung kính của thế gian trở thành tham đắm. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, vì Ta không nói: “Nên găn gũ tất cả các pháp”. Ta cũng không nói: “Không nên găn gũ tất cả các pháp”.

Này Mục-kiền-liên, vì sao Ta nói “Tất cả pháp không thể găn gũ?”. Này Mục-kiền-liên, Ta nói không găn gũ với hàng Bạch y. Này

Mục-kiền-liên, nếu gần gũi với hàng Bạch y thì phải luận bàn cùng họ mà không tụng tập với họ, nhân luận bàn với họ thì có sự đua nịnh, đối trá, kiêu mạn, nhân có kiêu mạn liền có ganh ghét, nhân có ganh ghét thì không biết được sự yên tĩnh. Nay Mục-kiền-liên, không biết sự yên tĩnh nên xa lìa tam-muội. Nay Mục-kiền-liên, do đó Ta nói đó là pháp không nên gần gũi.

Này Mục-kiền-liên, tại sao Ta nói pháp nên gần gũi? Nay Mục-kiền-liên, hãy đến chốn vắng vẻ, lấy nệm cỏ làm giường, im lặng không nói, xa lìa các điều ác, lìa nơi đông người, thường nên an tọa tư duy. Nay Mục-kiền-liên, đó là pháp mà Ta nói nên gần gũi.

Này Mục-kiền-liên, nếu vào thôn xóm để khát thực, đừng vì cầu lợi dưỡng, đừng vì cầu được cung kính. Nay Mục-kiền-liên, hãy dứt bỏ ý cầu lợi dưỡng, cầu cung kính rồi mới vào thôn xóm, khát thực.

Này Mục-kiền-liên, khi vào thôn xóm khát thực, đừng khởi ý tưởng vào nhà người khác. Vì sao? Nay Mục-kiền-liên, vì nhà của hàng Cư sĩ có nhiều việc thế tục. Nếu Tỳ-kheo vào nhà Cư sĩ mà không được họ tiếp chuyện, vị Tỳ-kheo kia liền nghĩ như vậy: “Ai đã nói gì với Cư sĩ này về ta cho nên Cư sĩ mới không nói chuyện với ta”. Vị ấy liền khởi tâm sân hận, vì có tâm sân hận nên liền có kiêu mạn, vì có kiêu mạn nên tâm không tịch tĩnh. Nay Mục-kiền-liên, vì tâm ý không tịch tĩnh nên xa lìa tam-muội.

Này Mục-kiền-liên, nếu lúc thuyết pháp đừng nghĩ tới chuyện hơn thua, nên có ý nghĩ là không hơn kém. Nếu có ý tranh hơn kém thì liền có nhiều lời, vì có nhiều lời nên có kiêu mạn, do kiêu mạn nên có ganh ghét, nhân vì ganh ghét nên không tịch tĩnh. Nay Mục-kiền-liên, vì không tịch tĩnh nên ta nói là xa lìa tam-muội.

Này Mục-kiền-liên, nếu lúc thuyết pháp phải nói lời có ích, phải nói lời quyết định, chớ đừng nói những lời sai khác. Hãy luận bàn như tiếng gầm của con sư tử. Như vậy, này Mục-kiền-liên, hãy nên học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đứng qua một bên, đắp y, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, bạch:

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn, thế nào là vị Tỳ-kheo đạt đến chỗ cứu cánh, dứt sạch mọi cấu uế một cách rốt ráo, hành phạm hạnh đạt đến cứu cánh?

Đức Thế Tôn bảo:

-Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo có bệnh, hoặc cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc. Vị Tỳ-kheo ấy hãy nên quán sự cảm thọ ấy là vô thường, quán nó là pháp hư hoại, hãy quán nó là vô nhiễm, hãy quán nó là tận diệt, hãy quán nó là sự dừng dứt, hãy quán nó là chỗ an trụ. Hãy quán về căn bệnh ấy như vậy. Hãy quán căn bệnh ấy là pháp không thường trụ, hãy quán nó là pháp hư hoại, hãy quán nó là vô nhiễm, hãy quán nó là tận diệt, hãy quán nó là sự dừng dứt, hãy quán nó là chốn an trụ. Vị ấy liền không tham đắm vướng mắc nơi thế gian này, vì không tham đắm nên không lo sợ, không lo sợ nên xả bỏ Niết-bàn Hữu dư: Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, biết rõ như thật về danh sắc. Này Mục-kiền-liên, đó là Tỳ-kheo đạt đến cứu cánh, cứu cánh trong việc dứt sạch mọi cấu nhiễm, cứu cánh về phạm hạnh, cứu cánh về việc thực hành phạm hạnh.

Đức Phật giảng nói như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Đức Phật giảng dạy hoan hỷ lãnh hội.



SỐ 48

PHẬT NÓI KINH PHÁP ĐÚNG, PHÁP SAI

Hán dịch: Đồi Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao, người nước An túc.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo hãy tụ họp để nghe pháp. Các Tỳ-kheo thưa: “Dạ vâng”. Các Tỳ-kheo đều theo Đức Phật để nghe giảng dạy.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe Ta nói. Có pháp của bậc Hiền giả, cũng có pháp chẳng phải của bậc Hiền giả. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe cho kỹ, biết rõ, suy nghĩ về điều này thật thấu đáo.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng! Xin theo Phật để thọ giáo.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo, những gì là pháp chẳng phải của bậc Hiền giả? Nếu Tỳ-kheo thuộc dòng dõi quý tộc, yêu thích đạo, muốn học đạo; nếu có các Tỳ-kheo khác đồng học nhưng không phải là dòng dõi quý tộc mà Tỳ-kheo dòng dõi quý tộc kia tự kiêu đối với bản thân mình, khinh chê người khác. Đó là pháp chẳng phải của bậc Hiền giả.

Những gì là pháp của bậc Hiền giả? Vị Hiền giả tu học suy tính rằng ta chẳng cần phải nhờ nơi dòng họ tôn quý, mà có thể đoạn tham

dục, đoạn trừ sân hận, đoạn trừ ngu si. Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không phải thuộc dòng họ tôn quý thuyết giảng giáo pháp, ta nên nương vào phương tiện để thọ pháp, theo pháp mà nói, theo điều cốt yếu của chánh pháp để thực hiện, tùy thuận pháp mà hành hóa. Nhờ theo vị danh đức ấy để nghe pháp, như pháp mà hành, thuận theo pháp chân thật, không tự khen mình, cũng không khinh chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo hình tướng hết sức đoan nghiêm, các Tỳ-kheo khác không bằng, do mình đoan nghiêm cho nên tự khen mình khinh chê người khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Bậc Hiền giả thì không như vậy. Bậc Hiền giả không nhờ vào hình tướng đoan nghiêm của mình mà có thể đoạn trừ được tham dâm, có thể đoạn được sân hận, có thể đoạn được ngu si.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo tuy hình tướng không đẹp đẽ thuyết giảng giáo pháp, ta chỉ theo pháp ấy hoặc nhiều hay ít để thọ trì, thực hành, liền được ngợi khen, có tiếng. Vậy ta nên thọ pháp ấy một cách chắc chắn, tùy theo pháp mà hành hóa, không tự khen mình, cũng không chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo khéo giảng nói những lời hay đẹp, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vị ấy nhân khéo nói được những lời hay đẹp nên tự khen mình, chê người khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Vị Hiền giả tu học suy tính rằng ta chẳng nhờ theo các lời nói hay đẹp, cũng không nhờ theo việc biết nói những lời hay đẹp, mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si.

Hoặc có vị Tỳ-kheo lời giảng nói không hay đẹp, lại cũng không khéo giảng nói, nhưng chỉ như pháp thọ giáo, nhiều hay ít theo đấy mà thực hành, nhờ việc làm đó nên được cung kính, nhờ việc ấy mà được nhiều người biết đến. Vị ấy với pháp đó, dốc thọ trì pháp, thực hành chắc thật, không tự khen mình, chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc khi ấy nghe có một vị Tỳ-kheo lớn tuổi, hiểu biết nhiều bạn bè kết giao là hàng giàu có, còn các Tỳ-kheo khác thì không bằng. Vị Tỳ-kheo kia liền theo vị Tỳ-kheo lớn tuổi nhiều hiểu biết, rồi tự

khen mình, tự kiêu ngạo, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Bậc Hiền giả chỉ học hỏi, suy nghĩ: “Chính ta chẳng phải nhờ theo vị Tỳ-kheo lớn tuổi, cũng không phải nhờ có nhiều hiểu biết, cũng không nhờ theo người có nhiều phước đức mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si”.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo còn nhỏ, cũng không có nhiều hiểu biết, phước đức cũng còn ít, nhưng thọ pháp, muốn tùy pháp tu hành, hoặc nhiều hay ít, nhờ đó được nhiều người biết đến. Vị ấy theo pháp, tùy thuận pháp chân thật nhưng không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo biết nghe kinh, có thể thuyết giảng kinh, biết giới luật, biết rõ, hiểu sâu về ý nghĩa của kinh, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vị ấy nhờ hiểu sâu về ý nghĩa, thông suốt kinh nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó chẳng phải là pháp của bậc Hiền giả. Bậc Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả nên học như vậy: “Chính ta không phải nhờ hiểu sâu về ý nghĩa kinh, cũng không phải nhờ thông suốt kinh điển mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si”.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không hiểu sâu xa, cũng không thông suốt kinh điển, chỉ thọ pháp, tùy pháp, dốc sức tùy theo pháp mà hành hóa, nên nhờ đó mà được cung kính, được nhiều người biết đến. Đó là nhờ thọ trì pháp, tùy pháp, thực hành điều chân thật, cho nên vị ấy không tự khen mình, không tự kiêu ngạo, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo tự hành khát thực, không nhờ các bạn hữu để hành khát thực, không quá bảy nhà, ngồi một chỗ, ngày ăn một bữa, sau đó ai cúng cũng không nhận. Còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Do ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận, rồi tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả cần phải học: “Ta không phải nhờ theo hạnh ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận mà có thể đoạn trừ được tham dục, đoạn trừ được sân hận, đoạn trừ được ngu si”.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không theo hạnh ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận. Vị ấy chỉ thọ pháp, tùy pháp chân chánh tiếp nhận đúng pháp, nhờ đó được cung kính, được nhiều người nghe biết. Vị này tùy thuận pháp chân thật, không tự khen mình, không tự kiêu ngạo, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc khi ấy có vị Tỳ-kheo dùng ba y ở nơi chốn gò mả để tu tập, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Nhờ sự tu tập ấy nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó chẳng phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: “Không hẳn ta nhờ dùng ba y này mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si”.

Hoặc có Tỳ-kheo không dùng ba y tu tập như thế, nhưng vị ấy thọ pháp, tùy thuận pháp, chân chánh tiếp nhận theo đúng pháp, nhờ đó liền được cung kính, được nhiều người nghe biết. Nhờ pháp này, tùy thuận pháp chân thật, nhưng vị ấy không tự khen mình, không tự kiêu mạn, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo ở những nơi đất trống hay bên cạnh gốc cây, hoặc chốn đầm vắng, giữa vùng gò mả, để tu tập, ngồi thiền đúng lúc, còn các Tỳ-kheo khác thì không như vậy. Đó đó vị ấy tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: “Không hẳn ta nhờ tu tập, ngồi thiền ở nơi đất trống, dưới gốc cây, nơi đầm vắng, giữa vùng gò mả mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si”.

Hoặc có Tỳ-kheo không có những điều nói trên, nhưng vị ấy chỉ thọ pháp, tùy thuận pháp, chân chánh tiếp thọ tùy pháp, nhờ đó liền được cung kính, được nhiều người biết đến. Nhờ pháp này, tùy thuận pháp chân thật, nhưng vị ấy không tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo đã đạt được đệ Nhất thiền, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vì được đệ Nhất thiền nên vị ấy tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: “Đệ nhất thiền, Đức Phật dạy là phải tự mình biết điều ấy, thọ trì pháp chân thật

ấy, không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác”. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo đạt được đệ Nhị thiên, đệ Tam thiên, đệ Tứ thiên, giống như đã nói về đệ Nhất thiên. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo hiểu rõ về Không hành ý, hoặc có lúc hiểu về Thức hành ý, hoặc có lúc hiểu về Phi thường hành ý, hoặc có lúc hiểu Vô hữu tư tưởng hành ý, Hữu tư tưởng hành ý. Còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Nhờ có được các pháp định như vậy nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: “Vô hữu tư tưởng hành, cũng như Hữu tư tưởng hành, Đức Phật dạy không nên chấp ta có cái này, nên thọ pháp, tùy thuận pháp chân thật không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác”. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta đã nói về pháp của bậc Hiền giả, cũng nói pháp không phải của bậc Hiền giả. Các Tỳ-kheo hãy nên tự tư duy. Đối với pháp không phải của bậc Hiền giả cũng nên tư duy. Nên dốc thực hành pháp của bậc Hiền giả, xả bỏ pháp không phải của bậc Hiền giả. Hãy thọ nhập pháp của bậc Hiền giả, tùy thuận pháp, Tỳ-kheo nên học như vậy.

Đức Phật dạy như thế. Các Tỳ-kheo lãnh hội và chí tâm hành trì.



SỐ 49.

PHẬT NÓI KINH CẦU DỤC

Hán dịch: Đời Tây Tấn Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Lộc dã thuộc vùng Bà-kỳ-thi-mục-ma-lâm-tỷ-lượng. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỷ-kheo:

--Này chư Hiền, nên biết thế gian hiện tại có bốn loại người. Bốn loại người ấy là gì? Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục (ô uế), kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục nhưng không tự biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rõ.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hết sức xấu ác.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là hơn hết.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hết sức xấu ác.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hơn hết.

Khi ấy có một Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

—Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân duyên gì mà hai người đầu, cùng có cầu dục (*ô uế*), đều có tham đắm mà ngài nói một người thì xấu ác, còn một người thì lại hơn hết? Lại do nhân duyên gì mà hai người sau này, đều không có cầu dục, đều không có tham đắm mà ngài nói một người thì xấu ác, còn một người thì lại hơn hết?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

—Này chư Hiền, hoặc có một người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục nhưng không biết rõ, nên biết kẻ ấy không ưa thích thực hành, cũng không cố gắng, cũng không tinh tấn để diệt trừ tâm cầu dục kia. Kẻ ấy trụ nơi tâm cầu dục, tâm ý còn tham vướng nơi cầu dục cho tới khi mạng chung. Do vậy mà chẳng làm được điều thiện nên cũng chẳng được sanh đến chỗ lành. Vì sao như vậy? Vì kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm nơi cầu dục cho tới mạng chung. Này chư Hiền, cũng như có người hoặc ở chợ búa, hoặc ở nhà thợ đúc đồ đồng mang một cái bát bằng đồng dơ nhớp không sạch về. Kẻ ấy đã mang bát đồng về rồi mà không tùy thời rửa sạch, không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời mài cọ, chỉ để nơi chỗ bụi bặm đất cát. Cái bát đồng ấy như vậy chỉ tăng thêm sự cấu uế. Như thế, này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không ưa thích thực hành, cũng không cố gắng, cũng không tinh tấn để diệt trừ tâm cầu dục kia. Kẻ ấy chỉ trú nơi tâm cầu dục, tâm ý còn tham vướng nơi cầu dục cho tới khi mạng chung do vậy mà chẳng làm được điều thiện và cũng không được sanh đến chỗ lành. Vì sao? Vì kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm với cầu dục cho đến khi mạng chung.

—Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rất rõ, nên biết kẻ ấy sẽ ưa thích thực hành, luôn tinh tấn để diệt trừ nên sự cầu dục của kẻ ấy sẽ đình chỉ. Kẻ ấy không còn tâm ý cầu dục, vì không còn tâm ý cầu dục nên khi mạng chung không còn tham đắm. Kẻ ấy không tham đắm, khi mạng chung mà không có ý tham đắm nên cái chết ấy an lành mà chỗ được sanh đến cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy không có cầu dục, không có tâm ý tham đắm. Này chư Hiền, giống như có người hoặc ở chợ búa

hay ở nhà thợ đúc đồ đồng mang cái bát bằng đồng đầy bụi bặm dơ nhớp về. Kẻ ấy mang cái bát về rồi tùy thời rửa sạch, tùy thời lau chùi, tùy thời mài cọ, không để ở chỗ bụi bặm, cái bát đồng đó về sau luôn được sạch sẽ bóng láng. Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rất rõ. Nên biết kẻ ấy sẽ ưa thích thực hành, luôn tinh tấn để diệt trừ cầu dục ấy. Tâm cầu dục của kẻ đó đã được đoạn trừ, tâm ý không còn cầu dục, nên khi mạng chung không còn tham đắm. Kẻ ấy không còn tâm ý cầu dục, mạng chung mà không còn tham đắm, thì sự mạng chung ấy đã an lành, lại cũng được sanh đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy không còn cầu dục, khi mạng chung không còn tham đắm.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không thể giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần. Khi đã không thể giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần rồi thì ý sẽ khởi dâm dục. Kẻ ấy sẽ mạng chung mà ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu. Kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm với mọi thứ tạp dục, tạp cầu, cho đến khi mạng chung, do đấy cái chết ấy bất thiện, lại cũng sanh đến chỗ bất thiện. Vì sao vậy? Vì cho tới khi chết mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu. Này chư Hiền, giống như, có người hoặc ở chợ búa, hay ở nhà thợ đúc đồ đồng mang một cái bát bằng đồng sạch sẽ về. Khi mang về rồi cũng không tùy thời rửa sạch, cũng không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời mài cọ, lại để chỗ bụi bặm. Cái bát đồng như vậy về sau sẽ bị dơ nhớp không sạch. Này chư Hiền, như vậy, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không thể giữ gìn được mắt, tai, ý, pháp. Kẻ ấy đã không giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần, thì sẽ khởi ý dâm dục, dấy ý tạp dục, mạng chung mà ý tham đắm, tạp dục, tạp cầu. Kẻ ấy cho tới khi mạng chung mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu, thì sự chết sẽ không an lành mà cũng không sanh đến chốn lành. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy mạng chung mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rất rõ, nên biết kẻ ấy có thể giữ gìn được mắt, tai, ý, pháp. Kẻ ấy đã giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần rồi thì tâm ý sẽ không còn khởi dâm dục, mạng chung mà ý

không tham đắm, không cầu, không dục. Kẻ ấy mạng chung mà tâm ý không còn tham đắm, không dục, không cầu, thì sự chết đã an lành mà chỗ sanh đến cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì mạng chung mà tâm ý không tham đắm, không dục, không cầu vậy. Nay chư Hiền, giống như có người, hoặc ở chợ búa, hay ở nhà người thợ đúc đồ đồng mang về cái bát bằng đồng sạch sẽ, mang về rồi tùy lúc rửa sạch, tùy lúc lau chùi, tùy lúc mài cọ, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái bát ấy càng thêm sạch sẽ trắng tinh. Nay chư Hiền, kẻ ấy cũng như vậy, bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục tự biết rõ như vậy, nên biết kẻ ấy có thể giữ gìn được mắt, tai, ý pháp. Kẻ ấy đã giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần thì sẽ không dấy khởi tâm dục. Kẻ ấy tâm ý không còn tham đắm, không tạp dục, tạp cầu cho đến mạng chung. Kẻ ấy mạng chung mà tâm ý không tham đắm, không tạp dục, tạp cầu nên sự chết cũng an lành mà chỗ thác sanh cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy đến lúc mạng chung tâm ý không còn tham đắm, không tạp dục, tạp cầu.

Do vậy, nay chư Hiền, nhân như vậy, duyên như vậy nên khiến cho hai người đầu đều có tâm ý tham vướng cầu dục mà nói một người thì xấu ác, còn một người thì hơn hết. Do nhân như vậy, duyên như vậy nên hai người sau bên trong không có ý tham đắm, không cầu dục mà nói một người thì xấu ác còn một người thì hơn hẳn.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo khác từ tòa ngồi đứng dậy, sửa y, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào gọi là cầu dục? Tâm mong cầu dục ấy vì sao gọi là cầu dục?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Nay chư Hiền, vì mong cầu dục lượng các pháp ác cho nên gọi là cầu dục. Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như sau: “Nếu ta có phạm tội chút ít, đừng để cho người khác biết ta có phạm giới”. Nay chư Hiền, các vị nên biết có người biết vị ấy đã phạm giới, vì có người biết nên vị ấy trở nên sân hận. Nay chư Hiền, nếu kẻ ấy đã sân hận, do dục hành động, đó chỉ là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: “Nếu ta có phạm tội chút ít, mong rằng người ta quở trách ở chỗ kín đáo, đừng quở trách ta phạm giới trước công chúng”. Nhưng nay chư Hiền, các vị nên

biết có người biết chỗ phạm giới ấy liền đưa ra nói trong chúng. Do người ta không quở trách ở chỗ kín đáo mà lại quở trách trước công chúng, nên người ấy sanh tâm sân hận. Nay chư Hiền, người ấy đã sanh tâm sân hận, rồi hành động theo dục vọng, đó chỉ là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người đã phạm giới mong rằng: “Người bằng ta trách mắng ta, đừng để người kém ta trách mắng sự phạm giới của ta”. Nhưng nay chư Hiền, các vị nên biết người phạm giới ấy bị người kém hơn trách mắng. Vì bị người kém hơn trách mắng cho nên kẻ phạm giới ấy sanh tâm sân hận. Nay chư Hiền, kẻ ấy sanh tâm sân hận rồi, nên hành động theo dục vọng, đó chỉ là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: “Mong ta được ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, ta sẽ hỏi Đức Thế Tôn để Ngài sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, chớ đừng để Tỳ-kheo khác ở trước mặt Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn rồi Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe”. Nay chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác ở trước mặt Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn rồi Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, nên kẻ ấy sanh tâm sân hận. Nay chư Hiền, kẻ ấy đã khởi tâm sân hận cho nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: “Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, đừng để một Tỳ-kheo nào khác vào làng trước ta”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo vào làng có Tỳ-kheo khác đi trước nhất. Khi các Tỳ-kheo vào làng, có Tỳ-kheo khác đi trước nhất; vì có Tỳ-kheo khác đi trước nhất, nên vị ấy sanh tâm sân hận. Nay chư Hiền, kẻ ấy đã khởi tâm sân hận cho nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vậy: “Khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, mong rằng ta được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất, chớ đừng để vị Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, thì được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí rồi có Tỳ-kheo khác được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất. Do đó vị ấy sanh tâm sân hận, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vậy: “Khi

các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bát, mong ta nói pháp cho các Cư sĩ nghe để khuyên họ siêng năng, chỉ dạy tất cả để các Cư sĩ được hoan hỷ, chớ dừng để Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bát, thuyết pháp cho các Cư sĩ nghe để khuyên họ siêng năng, chỉ dạy để họ được hoan hỷ”. Nay chư Hiền, các vị nên biết như vậy, có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bình bát cho đến khiến cho các Cư sĩ được hoan hỷ. Vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bình bát cho đến khiến cho các Cư sĩ được hoan hỷ, nên vị ấy đã sanh lòng sân hận. Nay chư Hiền, kẻ ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vậy: “Nếu có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, mong rằng ta cùng Cư sĩ đàm luận, nói bàn, dừng để Tỳ-kheo khác, khi có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, cùng họ đàm luận, nói bàn”. Nay chư Hiền, nên biết rằng khi có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, có Tỳ-kheo khác cùng họ đàm luận, nói bàn. Vì khi Cư sĩ vào vườn chúng Tăng, có Tỳ-kheo khác cùng họ đàm luận, nói bàn nên vị ấy sanh lòng sân hận. Nay chư Hiền, kẻ ấy đã sanh lòng sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: “Hãy khiến cho nhà vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ không một ai là không biết đến ta, dừng để cho Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến”. Nay chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần biết đến, và các hàng Bà-la-môn, Cư sĩ, không ai là không biết đến. Vì có Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần biết đến, được các Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến, vị ấy liền sanh tâm sân hận. Nay chư Hiền, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: “Hãy khiến cho ta được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, chớ dừng để Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường. Vì có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, nên vị ấy khởi tâm sân hận. Nay chư Hiền, vị ấy đã khởi tâm sân

hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: “Hãy khiến cho ta được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh. Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh. Vì có Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh nên vị ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, cũng như vậy, hoặc có người đã là bậc phạm hạnh có trí tuệ thì nên xả bỏ vô lượng các hạnh ác bất thiện, cầu dục, đừng nên làm việc ấy. Nếu có người cùng với kẻ không phải là Sa-môn mà cho là tu hạnh Sa-môn; nếu có người cùng với kẻ chẳng phải là Sa-môn có trí tuệ mà cho là Sa-môn có trí tuệ; không nên cầu ngôi tòa trên mà cầu ngôi tòa trên; không có định mà cho là có định, ở chỗ bất tịnh mà cho là thanh tịnh, như vậy này chư Hiền, kẻ ấy đối với các bậc Phạm hạnh có trí tuệ lại có vô lượng các hạnh ác bất thiện như thế. Các vị nên biết có việc làm này: nên biết có người cùng với kẻ không phải là Sa-môn cho là không phải Sa-môn; cùng với người không phải là Sa-môn có trí tuệ biết đó là Sa-môn không có trí tuệ; cùng với người không nên cầu ngôi tòa trên biết là người không nên cầu ngôi tòa trên; người không có định biết là không có định; cùng với người bất tịnh biết là bất tịnh.

Này chư Hiền, cũng giống như có người ở chợ búa hay nhà thợ đúc đồ đồng mang về cái bát bằng đồng chứa đầy đồ bất tịnh bên trong, dùng một cái nắp đậy lên trên. Nếu mang nó đến chỗ đông người, những người kia thấy bát đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý ưa thích, không biết nó là đồ bất tịnh. Hoặc số đông người kia mang cái bát đồng ấy đến một chỗ và giở nắp ra, nếu có người muốn ăn liền không muốn ăn, há người mang bát ấy lại muốn ăn sao?

Này chư Hiền, nếu người phạm hạnh có trí tuệ, làm vô lượng các hạnh ác bất thiện như thế, người không phải Sa-môn cho là Sa-môn hạnh, Sa-môn không có trí tuệ cho là Sa-môn có trí tuệ; không nên cầu tòa ngôi trên mà cầu tòa ngôi trên; không có định mà cho là có định; cùng với người bất tịnh mà cho là thanh tịnh; như vậy, này chư Hiền, người ấy đối với các vị phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng

các hạnh ác bất thiện. Các vị phải biết rằng cùng ở với kẻ chẳng phải là Sa-môn cho là chẳng phải Sa-môn; cùng ở với Sa-môn không có trí tuệ cho là chẳng phải Sa-môn có trí tuệ, cùng ở với người không nên cầu tòa ngồi trên cho là không nên cầu tòa ngồi trên; cùng ở với người không có định cho là không có định; cùng với người bất tịnh cho là bất tịnh.

Này chư Hiền, người như thế không nên găn gũ, không nên cung kính, không nên vâng làm. Nếu vị Tỳ-kheo nào không nên găn gũ, cung kính, lễ bái mà cung kính, lễ bái thì kẻ ấy mãi mãi mất điều lợi ích, đau khổ, tương ứng với đường ác. Cho nên, này chư Hiền, người như vậy chớ nên găn gũ, chớ nên cung kính, lễ bái.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: “Ta có phạm giới, không muốn cho người khác biết ta có phạm giới”. Này chư Hiền, các vị nên biết rằng vị ấy có phạm giới, nếu có người khác biết vị ấy phạm giới, thì người khác dù có biết, nhưng tâm ý vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm ý không sân hận nên sự mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: “Nếu ta có phạm giới, hãy nói tội ta chỗ vắng vẻ, chớ đừng nói tội ta ở giữa chúng”. Này chư Hiền, các vị nên biết rằng vị phạm giới ấy bị nói ra giữa chúng, chớ không nói ở chỗ vắng vẻ. Tuy người phạm giới bị nói ra giữa chúng nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm không sân hận nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: “Hãy để người bằng ta nói ra sự phạm giới của ta, chớ đừng để kẻ không bằng ta nói ra sự phạm giới của ta”. Này chư Hiền, các vị nên biết rằng người phạm giới ấy bị người không bằng mình nói ra chớ không phải người bằng mình nói ra. Bị người không bằng mình nói về sự phạm giới của mình, nhưng tâm vị ấy vẫn không giận. Này chư Hiền, do tâm vị kia không giận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không dấy mong ước: “Mong ta ngồi trước Đức Thế Tôn và hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, chớ đừng để Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức

Thế Tôn và hỏi Đức Thế Tôn, để Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn và Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Dù có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn để Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, nhưng tâm vị ấy không sân hận. Nay chư Hiền, nếu tâm vị ấy không sân hận, thì mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: “Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, chớ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác đi trước nhất”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng thì đi trước. Dù có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng thì đi trước, nhưng tâm vị kia không sân hận. Nay chư Hiền, do tâm ý vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: “Khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, ta được nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất, chớ đừng để khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, có Tỳ-kheo khác ngồi ở trước nhất, thọ nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí thì có vị Tỳ-kheo khác được ngồi trước nhất, thọ nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất, dù như vậy nhưng tâm vị ấy không sân hận. Nay chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: “Các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, hãy khiến ta vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyên họ tinh tấn..., khiến họ được hoan hỷ, chớ đừng để Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyến phát tinh tấn..., chỉ dạy khiến họ được hoan hỷ”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyến phát tinh tấn... khiến họ được hoan hỷ, nhưng vị ấy vẫn không có tâm sân hận. Nay chư Hiền, vì vị ấy không có tâm sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: “Khi cư sĩ vào vườn của Tăng chúng, ta sẽ đàm luận với họ, đừng để Tỳ-kheo

khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng. Dù có Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng mà tâm vị ấy vẫn không sân hận. Nay chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: “Hãy khiến cho nhà vua, đại thần, các hàng Bà-la-môn, Cư sĩ không một ai là không biết đến ta, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có vị Tỳ-kheo khác được vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến. Dù như vậy nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Nay chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: “Hãy khiến cho ta được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường; chớ đừng để Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường. Dù như vậy nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Nay chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: “Hãy khiến cho ta được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh”. Nay chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh. Dù vị Tỳ-kheo khác được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Nay chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Nay chư Hiền, như vậy người đó ở với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, ưa thích tu tập vô lượng các pháp thiện hạnh. Nếu không biết thế thì cùng ở với Sa-môn mà nói là không phải Sa-môn, cùng ở với Sa-môn có trí tuệ mà nói không phải Sa-môn có trí tuệ; cùng ở với bậc Thượng tọa mà nói không phải bậc Thượng tọa, cùng ở với người có định mà

nói là không có định, cùng ở với vị thanh tịnh mà nói là không thanh tịnh. Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh như vậy đều biết rõ, cùng ở với Sa-môn thì biết là cùng ở với Sa-môn, cùng ở với Sa-môn có trí tuệ thì biết là cùng ở với Sa-môn có trí tuệ; cùng ở với người có định nên biết cùng ở với người có định, cùng ở với người thanh tịnh nên biết là cùng ở với người thanh tịnh.

Này chư Hiền, giống như có người ở chợ búa hay nhà thợ làm đồ đồng mang về cái bát bằng đồng, trong bát chứa đầy đồ ăn cao lương mỹ vị, trên bát có nắp đậy lại. Rồi người ấy mang đến chỗ đông người, nhiều người thấy bát ấy đều không muốn ăn, không ưa thích, cho đó là đồ bất tịnh. Họ nói: “Đó là đồ đựng vật bất tịnh! Đó là đồ đựng vật bất tịnh!” Người ấy mang bát đồng đến chỗ đông người rồi gỡ nắp ra, thì dù cho người không muốn ăn cũng muốn ăn, há người thấy thức ăn trước mà nay không muốn ăn sao?

Này chư Hiền, như vậy, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh mà không thể biết được nên cùng ở với Sa-môn mà nói là không phải Sa-môn, cùng ở với bậc Sa-môn có trí tuệ mà nói không phải là Sa-môn có trí tuệ, cùng ở với bậc Thượng tọa mà nói không phải Thượng tọa, cùng ở với người có định mà nói là không có định, cùng ở với vị thanh tịnh mà nói là không thanh tịnh.

Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh, sau đó biết vị Sa-môn cùng ở đúng là vị Sa-môn, vị Sa-môn có trí tuệ cùng ở đúng là vị Sa-môn có trí tuệ, vị Thượng tọa cùng ở biết chính đó là bậc Thượng tọa; cùng ở với người có định biết là có định, cùng ở với người thanh tịnh biết đó là thanh tịnh. Như vậy, này chư Hiền, người ấy nên cung kính, vâng làm và lễ bái. Tỳ-kheo nên gần gũi, nên cung kính, nếu cung kính thì nên vâng theo, nếu vâng theo thì cần phải luôn thực hành. Người luôn thực hành như vậy mãi mãi được lợi ích an lạc. Cho nên, này chư Hiền, người như vậy cần phải thân cận, cung kính và vâng làm theo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt ở trong chúng hội, Tôn giả nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay tôi muốn nói một thí dụ, Tôn giả có cho phép không?

–Hãy nói đi, này Hiền giả Mục-kiền-liên.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thuở trước ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, này Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, tôi thức dậy, mặc y phục, mang bát vào thành Vương xá để khất thực. Trong khi đi khất thực, tôi đến nhà một thợ xe, thấy có Vô Niệm Mãn Tử đang ở tại đấy. Người thợ ấy đang đẽo trục xe. Vô Niệm Mãn Tử ở nhà thợ xe ấy nghĩ: “Người thợ xe này đang đẽo trục xe. Nên đẽo gọt chỗ ấy như thế này. Cái trục xe ấy có chỗ xấu kia đã được đẽo gọt”. Vị Vô Niệm Mãn Tử ấy, lúc ở nhà người thợ xe đã suy nghĩ như vậy: “Người thợ này như ý nghĩ của ta, đã cầm búa đẽo gọt trục xe”. Khi đó Vô Niệm Mãn Tử liền nói: “Người thợ làm xe này đã biết ý của ta khi sửa trục xe. Như chỗ đã được đẽo gọt thì trục xe như vậy sẽ thuận lợi, không còn trở ngại”.

Như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, với người dua nịnh, dối trá, huyễn hoặc, không tin, không có lòng tin, biếng trễ, không tinh tấn, ý nghĩ tán loạn, không định tĩnh, trí ác, tâm tán loạn, các căn không định; đối với giới hạnh noãn, không phân biệt được hạnh Sa-môn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết tâm niệm của họ để giảng nói khiến họ được giải thoát.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, với người không dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, có lòng tin, vui thích tin tưởng, tinh tấn thực hành, ý thường định, học theo trí tuệ, cung kính đối với giới, phân biệt rộng rãi hạnh Sa-môn. Vị ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe thuyết pháp xong, sung sướng như được uống, sung sướng như được ăn, miệng và ý đều thọ trì.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái chủng tộc Sát-lợi, con gái của chủng tộc Bà-la-môn, con gái của hàng Cư sĩ hay con gái của hàng thợ thuyền, tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm thoa khắp thân thể mặc áo mới tinh. Nếu như có người đến với nàng, sanh lòng thương mến, muốn nàng được lợi ích, khiến cho nàng được an ổn, nên đem các thứ tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-ba, tràng hoa Bà-sư, hoặc tràng hoa A-đề-ma-đa đến tặng nàng. Người con gái ấy vui sướng nhận cả hai tay, dùng để trang sức trên đầu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như vậy, hoặc có người không đua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, cũng không bất tín, có thể thực hành tinh tấn, tâm ý thường định, có trí tuệ, cung kính sự học, tu tập, rộng phân biệt hạnh Sa-môn, người ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe pháp rồi, sung sướng như được uống, sung sướng như được ăn, miệng và ý cũng như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất, thật là kỳ diệu! Tôn giả đã vì các vị tu phạm hạnh mà dứt trừ các điều bất thiện, an trú nơi điều thiện. Lành thay! Thưa Hiền giả, ngài là bậc Chân nhân.

Như thế, cả hai bên đều tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, về lại chỗ của mình.



SỐ 50

PHẬT NÓI KINH THỌ TUẾ

Hán dịch: Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo để thọ tuế.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

–Này chư Hiền, vị Tỳ-kheo thọ tuế thỉnh nguyện: “Xin các Tôn giả nói với tôi, dẫn dắt tôi, răn dạy tôi, thương tưởng tôi”. Đó là lý do thứ nhất. Vì sao vậy? Này chư Hiền, hoặc có người ương ngạnh, khó dạy bảo, cùng liên hệ với pháp ác, thì vị phạm hạnh không thể nói, không dẫn dắt, không răn dạy, cũng không thương tưởng kẻ ấy. Đó là loại người thứ nhất.

Này chư Hiền, thế nào là kẻ ương ngạnh, khó dạy bảo? Đó là kẻ dù cùng ở với bậc Phạm hạnh, nhưng vẫn không được bậc Phạm hạnh nói chuyện, không dẫn dắt, không răn dạy, cũng không thương tưởng. Đó là loại người thứ nhất. Này chư Hiền, hoặc có một người tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác. Này chư Hiền, ta bảo kẻ ấy tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác, đó là pháp ương ngạnh, khó dạy bảo. Như vậy bị nhiễm dục, sân hận, tham lam, ganh ghét, không xả, dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, không hổ, không thẹn, ôm hận, nên kẻ ấy nói lời uất hận, mắng lại Tỳ-kheo khiến trách mình, nói cho mọi người biết vị Tỳ-kheo đã chỉ trích mình, chê bai lời nói của Tỳ-kheo chỉ trích mình. Tất cả lời lẽ đều nói lảng ra ngoài để tránh né, ôm giữ tâm phần nộ, rộng liên hệ với hàng tri thức bạn bè

xấu ác, không biết ân, không báo ân, đền ân. Nay chư Hiền, những người không biết an, không báo đền, đó là những kẻ ngang ngược, khó dạy. Do đó, nay chư Hiền, người có tánh ngang ngược, khó dạy thì dù gần gũi với các bậc Phạm hạnh, các vị ấy cũng không nói chuyện, không dạy dỗ, không khiển trách, không thương nhớ. Đó là hạng người thứ nhất.

Nay chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy nghĩ: “Nay chư Hiền, nếu có ai tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác thì ta không nghĩ nhớ đến người đó. Nếu ta có dục ác, cùng liên hệ với dục ác thì người khác cũng không nghĩ nhớ đến ta”. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, đừng có khởi cầu dục ác, nên học như thế. “Như vậy, kẻ bị nhiễm dục, sân hận, tham lam, ganh ghét, không xả bỏ, dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, không hổ, không thẹn, ôm lòng sân hận, miệng nói lời thù hận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, nói cho mọi người biết vị Tỳ-kheo đã chỉ trích mình, chê bai lời nói của Tỳ-kheo khiển trách mình; tất cả lời nói đều đi ra ngoài đề để tránh né, ôm lòng sân hận, rộng liên hệ với hạng tri thức và bạn bè xấu ác, không biết ân, không báo đền. Nay chư Hiền, nếu ai vong ân, không báo ân thì ta không thương người ấy, và nếu ta vong ân, không báo ân thì người khác cũng không thương ta”. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy. Đừng là kẻ không biết báo ân, nên học hỏi như thế.

Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: “Xin các vị nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, thương tưởng tôi”. Đó là hạng người thứ nhất. Vì sao? Nay chư Hiền, hoặc có một người dễ bảo, cùng gắn bó với giáo pháp nên các vị đồng phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách và thương nhớ người ấy. Người ấy là bậc nhất vậy. Vì sao? Nay chư Hiền, người dễ dạy bảo, cùng gắn bó với giáo pháp, mà được các vị đồng phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách, thương yêu. Người đó được gọi là bậc nhất. Nay chư Hiền, hoặc có một người không tìm cầu điều ác, không liên hệ với điều xấu ác. Nay chư Hiền, kẻ ấy vì không có dục ác, không liên hệ với dục ác, thì đó là pháp dễ dạy bảo. Như thế, không bị nhiễm dục, không sân hận, không tham lam keo kiệt, ganh ghét, không dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, biết hổ, biết thẹn, không ôm lòng giận, nên miệng vị ấy không nói lời thù hận, không mắng lại Tỳ-kheo khiển

trách mình, không nói với mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình, không phỉ báng lời nói của Tỳ-kheo chỉ trách mình, không nói ra ngoài đề để tránh né, không sân hận mà lại rộng rãi, không ở chung với hạng tri thức cùng bạn hữu xấu ác, không vô ân mà nhớ ân. Đây chư Hiền, đó gọi là người ấy cùng tương ứng với giáo pháp. Đây chư Hiền, đó là kẻ dễ dạy bảo, cùng tương ứng với giáo pháp, nên được các bậc Phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách và thương nhớ. Vị ấy là người bậc nhất.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy xét: “Đây chư Hiền, nếu ai không có dục ác, không liên hệ với dục ác thì ta thương người đó, và nếu ta không có dục ác, không liên hệ với dục ác, thì người khác cũng thương ta”. Tỳ-kheo nên quán như vậy, không nên dấy khởi dục ác, nên học như vậy. “Như vậy, do không bị nhiễm dục, không sân hận, không tham lam keo kiệt, ganh ghét, luôn xả bỏ, không dối trá, dua nịnh, biết hổ, biết thẹn, không giận dữ nên vị ấy miệng không nói lời thù hận, không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, không nói với mọi người về vị Tỳ-kheo khiển trách mình, không phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo khiển trách mình; tất cả lời nói đều không nói ra ngoài đề để tránh né, không sân hận mà rộng rãi, không liên hệ với hạng tri thức và bạn hữu xấu ác, không quên ân mà nhớ báo đền. Đây chư Hiền, nếu người nào không quên ân, luôn nhớ báo đền thì ta thương yêu người đó. Nếu ta không quên ân, nhớ báo đền thì người đó cũng thương yêu ta”. Tỳ-kheo nên quán sát như thế. Hãy không quên ân, nhớ báo đền, nên học như vậy.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát thấy: “Ta đang có tâm dục ác, cùng tương ứng với tâm dục ác, cần phải không có tâm mong cầu làm điều ác, không tương ứng với dục ác” thì chắc chắn có nhiều lợi ích. Đây chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát biết được mình đang có dục ác, cùng tương ứng với dục ác thì kẻ ấy sẽ không hoan hỷ. Do đó kẻ ấy mong cầu ngăn trừ dục. Đây chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lúc quán sát biết mình hiện không có dục ác, không tương ứng với dục ác thì kẻ ấy liền vui mừng thấy mình được thanh tịnh, trong sạch, đang tu tập trong cảnh giới của Đức Phật. Thấy vậy rồi vui mừng nỗ lực tu tập.

Này chư Hiền, ví như người có mắt cầm cái gương sáng tự soi

mặt mình. Nay chư Hiền, người có mắt ấy sẽ tự thấy mặt mình dơ dáy nên trong lòng không vui, kẻ ấy muốn rửa sạch các vết dơ. Nay chư Hiền, nếu người có mắt ấy không thấy mặt mình có vết dơ, kẻ ấy liền vui mừng thấy mình được thanh tịnh. Kẻ ấy tự thấy như vậy rồi vui mừng, nỗ lực thực hành. Nay chư Hiền, cũng như vậy, Tỳ-kheo quán sát mà biết mình có dục ác, cùng liên hệ với dục ác, vị ấy liền có ý mong cầu ngăn trừ dục ác. Nay chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát, biết mình không có dục ác, không liên hệ với dục ác, vị ấy liền vui mừng thấy mình được trong sạch, thanh tịnh, đang ở trong cảnh giới của Đức Phật. Thấy vậy rồi thì vui mừng mà thực hành, tu tập.

Cũng như vậy, bị nhiễm dục hay không nhiễm dục; cũng vậy có sân hận hay không có sân hận; cũng vậy có tham lam, ganh ghét, không xả, hay không có tham lam, ganh ghét, luôn xả; cũng vậy có dua nịnh, dối trá hay không dua nịnh, dối trá; cũng như vậy, có sự không hổ, không thẹn hay biết hổ, biết thẹn; cũng vậy có thù giận, miệng nói lời thù hận hay không có thù giận, miệng không nói lời thù giận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình hay không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình; nói với mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình hay không đem nói cho mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình; phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo khiển trách mình hay không phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo chỉ trích mình; tất cả lời lẽ đều nói ngoài đề để tránh né, hay không dùng những lời lẽ nói ra ngoài đề để tránh né; có sân hận hay không sân hận; giao kết với hàng tri thức cùng bạn hữu xấu ác hay không giao kết với hàng tri thức cùng bạn hữu xấu ác; không biết ân, không báo ân hay biết ân, báo ân. Nay chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát biết rằng: “Ta là kẻ không biết ân, không biết báo ân”. Vị ấy trong lòng không vui, liền mong muốn ngăn trừ. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát biết rằng: “Ta là kẻ không vong ân, biết báo ân”. Vị ấy liền vui mừng thấy mình trong sạch, thanh tịnh, đang hành hóa trong cảnh giới của Phật Thế Tôn, thấy như vậy rồi liền vui thích thực hành.

Nay chư Hiền, như người có mắt cầm tấm gương trong sáng để soi mặt, tự thấy mặt mình có bụi dơ, kẻ ấy liền không vui và mong muốn rửa sạch. Nay chư Hiền, nếu người ấy không thấy mặt mình có bụi dơ liền vui mừng là mình được thanh tịnh. Tự thấy như vậy thì

sanh tâm vui thích. Cũng vậy, này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát và biết được mình là kẻ vong ân, không báo ân, vị ấy liền không hoan hỷ, liền có ý muốn ngăn trừ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán biết mình không phải là kẻ vong ân, không báo ân, kẻ ấy liền vui mừng cho rằng mình trong sạch, thanh tịnh đang tu tập trong cảnh giới của Phật Thế Tôn. Do tự thấy như vậy rồi thì vui thích tu tập, do vui thích tu tập nên được hoan hỷ, do hoan hỷ nên thân tín hành, do thân tín hành nên biết an lạc, do an lạc nên ý định tĩnh, do ý định tĩnh nên biết như chân, thấy như chân; do thấy, biết như chân nên sanh tâm nhàm chán, nhờ tâm nhàm chán lìa nên được vô nhiễm, do vô nhiễm nên được giải thoát, do giải thoát nên đạt giải thoát tri kiến, biết như thật rằng: “Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành tựu, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh”.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong đều hoan hỷ lãnh thọ.

**
*

LỜI BẠT

Trong Đan tạng, kinh này có tên là Thọ Tuế kinh. Đan bản có tên ấy nhưng Tống bản thì không có. Trong Tống tạng, kinh này có tên là Thọ Tân Tuế kinh. Tên này không có trong Đan bản. Xem cả hai kinh đều viết là do Ngài Pháp Hộ dịch. Tên tuy khác đôi chút nhưng nói chung nghĩa lý lại có sai biệt rất lớn, chưa biết bản nào đúng bản nào sai? Lại nữa, vì sao trong hai bộ Đại tạng nội dung của hai bản kinh có chỗ bản này có thì bản kia không có? Nay xem trong nội dung của Khai nguyên lục và Trùng dịch lục có nói đến Thọ Tuế kinh do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, ghi rằng: “Gần giống với bản dị dịch trong quyển thứ 23 của bộ Trung A-hàm”. Phần cuối trong nội dung của Đơn dịch lục có Tân Tuế kinh do Ngài Trúc-đàm-vô-sấm (Tấn gọi là Pháp Chánh) dịch. Trong đó có đoạn chú thích rằng: “Trong nội dung của Đại bản không có những kinh này nên liệt biên ở đây”. Nay kiểm chứng lại bản Thọ Tuế kinh trong Đan tạng cùng với bản kinh trong quyển 23 của Trung

A-hàm có nội dung tương đồng nhau, cho nên bản kinh trên chính là nội dung của bản Trùng dịch Thọ Tuế kinh. Thọ Tân Tuế kinh trong Tống bản so với Trung A-hàm thì hoàn toàn riêng biệt. Xét cho cùng thì bản tên Tân Tuế kinh về văn tuy khác, nhưng về đại ý không khác nhau lắm, dường như là bản dị dịch của kinh này. Cho nên nội dung Thọ Tân Tuế kinh của Tống tạng hiện nay gần giống với nội dung của Tân Tuế kinh. Nếu cho đó là một bản dịch thì tại sao có sự khác nhau khi dịch giả lược bỏ rất nhiều những đoạn đặc biệt? Đó lại là những gì được biên chép trong Trùng dịch. Nếu cho đó là bản Trùng dịch thì những gì đã được nêu ra trong bản Đơn dịch? Điều này cần phải đợi kiểm chứng. Nay công việc kết tập, phân biệt hãy để chờ các bậc Hiền triết, vì vậy chúng tôi không theo nội dung ghi chép trong bản Thọ Tân Tuế kinh- nội dung của bản kinh trên được y cứ theo Đan tạng kinh (Đại tạng kinh Khiết Đan-tức Liêu bản) để làm chân bản.



SỐ 51

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ lục vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà lúc mới thành đạo, một mình ở bên gốc cây, trên bờ sông Uất-tỳ-la (*giáp giới với nước Ma-kiệt*).

Bấy giờ có Bà-la-môn Kế Thủy Tịnh, sau giờ ngộ, ung dung đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Bà-la-môn Kế Thủy Tịnh đi tới, nhân thấy như vậy Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu người nào có hai mươi một thứ trói buộc tâm ý thì sẽ bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Hai mươi một thứ trói buộc tâm ý ấy là gì? Đó là: Tà kiến trói buộc tâm, dục phi pháp, tà pháp lừa dối thế gian, tham lam, sân hận, biếng trễ, ham ngủ nghỉ, đùa giỡn, không biết hổ thẹn, nghi ngờ, tức giận, bực tức, keo kiệt, ganh tỵ, không hỷ xả, quanh co dua nịnh, huyễn hoặc, không biết xấu hổ, ganh ghét, tăng thượng tật đố và phóng dật trói buộc tâm. Nếu có hai mươi một thứ trói buộc tâm ý này sẽ bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Ví như người chủ đưa cái áo của trẻ con bị dơ bẩn cho thợ nhuộm hay đệ tử của thợ nhuộm. Người thợ nhuộm ngâm cái áo vào nước tro hay nước chàm kết, hay trong bột giặt, chà xát thật kỹ khiến cho cái áo hết sức sạch sẽ. Tuy người thợ nhuộm hay học trò của ông ta đã dùng nước tro, chàm kết hay bột giặt ngâm cái áo vào rồi chà xát thật kỹ,

khiến cái áo hết sức sạch sẽ. Nhưng vì cái áo trẻ con ấy vốn có nhiều vết cáu bẩn đen sì nên vẫn còn có màu dơ bẩn. Cũng như vậy, nếu người có hai mươi một thứ trói buộc tâm ý liền bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Hai mươi một thứ ấy là gì? Đó là tà kiến trói buộc tâm, cho đến phóng dật trói buộc tâm. Nếu có hai mươi một thứ trói buộc tâm ấy thì liền bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê. Nếu không có hai mươi một thứ trói buộc tâm thì liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời. Hai mươi một thứ ấy là những gì? Đó là không có tà kiến trói buộc tâm, cho đến không có phóng dật trói buộc tâm. Nếu không có hai mươi một thứ trói buộc tâm liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Ví như cái áo được dệt bằng vải ở thành Ba-la-nại, người chủ đưa cho thợ nhuộm hay đệ tử của ông ta giặt giũ. Thợ nhuộm dùng tro hay bột chàm kết, hay dùng bột giặt để ngâm cái áo rồi chà xát, tẩy giặt khiến cho cái áo được thật sạch. Tuy cái áo vải Ba-la-nại ấy được thợ nhuộm hay đệ tử của ông ta dùng nước tro hay bột chàm kết ngâm vào rồi chà xát, tẩy giặt thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch, nay lại càng trắng sạch thêm. Cũng như vậy, nếu không có hai mươi một thứ trói buộc tâm liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Hai mươi một thứ ấy là gì? Đó là tà kiến trói buộc tâm, cho đến phóng dật trói buộc tâm. (Nếu không có chúng) liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Khi đã thấy tà kiến trói buộc tâm thì phải trừ bỏ, cho đến khi đã thấy phóng dật trói buộc tâm thì phải trừ bỏ. Tâm của vị ấy cùng đi đôi với Từ, biến mãn một phương, an trú nơi chánh thọ. Cũng như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và trên dưới, tất cả các phương, tâm cùng đi đôi với từ, không hại, không giận, rộng rãi bao la, vô lượng, không còn phân biệt, biến đầy khắp các phương rồi an trú nơi chánh thọ. Cũng như vậy, tâm đi đôi với bi, hỷ, xả, biến khắp tất cả các phương rồi an trú nơi chánh thọ.

Đó là hàng Bà-la-môn trong ngoài cùng tẩy rửa sạch sẽ, chứ không phải chỉ sạch ở bên ngoài thôi.

Bấy giờ Phạm chí nói với Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, hãy đến sông để tắm rửa. Thưa Cù-đàm, nước sông rửa sạch, bởi vì nó tương ứng với giới hạnh, tương ứng với phước đức, tương ứng với sự độ thoát của tất cả thế gian. Thưa Cù-đàm, tất cả người thế gian dùng nước tắm rửa sẽ trừ được tất cả điều ác, ở trong nước sạch tẩy rửa, dù người phạm phu vẫn thường được an lạc.

–Nhưng nước không thể trừ được hành động đen tối. Dùng nước sạch ấy, nhưng ở nơi nước nào thấy gì? Người làm các điều ác, nước ấy làm sao có thể rửa sạch được? Người có sự thanh tịnh vững chắc, phải giữ giới hạnh, hành hạnh tinh tấn, tu tập hạnh thanh tịnh luôn tương ứng với giới. Nếu không sát sanh, trộm cắp, nói dối thì sẽ được độ. Phạm chí hãy an trụ nơi đấy, làm tất cả điều thiện thì được an ổn.

Bà-la-môn các ông cần gì phải trở về nhà, cần gì ra khỏi nhà tìm nước tắm? Bà-la-môn các ông nên cầu pháp thiện thanh tịnh, sao lại cần thứ nước xấu ác ấy, chỉ nên diệt trừ sự ô uế của các thứ phiền não.

–Thưa Cù-đàm, con đã ghi nhớ điều ấy: “Nên cầu pháp thiện thanh tịnh, không cần thứ nước xấu ác ấy, chỉ nên diệt trừ trần cấu ô uế”. Thưa Cù-đàm, con đã hiểu! Thưa Cù-đàm, con đã hiểu. Nay con xin quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, con xin làm Ưu-bà-tắc từ ngày hôm nay cho đến lúc mạng chung. Con xin quy y Phật, xa lìa sát sanh.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn nói xong đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 52

PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Câu-lô, cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng sanh ý nghĩ: “Các pháp duyên sanh, nghĩa lý hết sức thâm diệu, khó mà hiểu được! Chỉ có Phật Thế Tôn đầy đủ Chánh Biến Tri mới khéo có thể thuyết giảng được”. Nghĩ như vậy xong, đến lúc trời sáng, Tôn giả liền ra khỏi nơi ở, đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi cung kính đánh lễ, hỏi thăm sức khỏe xong, Tôn giả đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng suy nghĩ: “Các pháp duyên sanh là hết sức thâm diệu khó hiểu”. Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà diễn giảng, chỉ dạy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Pháp duyên sanh ấy thật hết sức thâm diệu, khó thấy, khó hiểu, lại khó quán xét. Chỉ có các bậc Thánh giả đầy đủ trí thiện xảo mới có thể phân biệt, chứ không phải là đối tượng lãnh hội, lý giải của người ngu si. Vì sao vậy? Bởi vì những kẻ ngu si sanh đời này, đời sau, chết rồi sanh trở lại, luân hồi như vậy đều do không thấu rõ pháp duyên sanh này. A-nan nên biết, các pháp đều do nhân duyên kết hợp xoay vần lần lượt sanh, vì thế luân hồi mãi không thể chấm dứt. Do có sanh nên gọi đó là lão tử. Do sanh làm duyên nên có lão tử. Nếu không có sanh thì làm gì có lão tử? Do có

duyên sanh đó nên kết hợp lẫn lượt cùng sanh. Từ duyên của loài thủy tộc nên sanh ra loài thủy tộc, duyên của loài chim bay nên sanh ra chim bay, duyên của các loại nên sanh ra các loại, cho đến duyên của loài người nên sanh ra loài người. Do duyên đó cho nên tất cả các loại chúng sanh theo nhân duyên hỗ tương mà được sanh khởi. A-nan nên biết, pháp sanh này là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lão tử. Do đó lão tử cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp sanh lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp hữu làm duyên, do hữu ấy nên khởi ra pháp sanh, pháp hữu nếu không thì làm gì có pháp sanh? Cho nên pháp hữu, như trước đã nói, khiến cho các loài lẫn lượt cùng sanh, không có chấm dứt. A-nan nên biết, pháp hữu ấy là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi ra pháp sanh. Do đó pháp sanh cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp hữu lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thủ làm duyên. Do pháp thủ nên khởi ra pháp hữu. Pháp thủ nếu không thì làm sao pháp hữu có được? A-nan nên biết, pháp thủ ấy là pháp hư vọng không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sinh ấy, duyên ấy khởi ra pháp hữu. Do đó pháp hữu cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thủ lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp ái làm duyên. Nhân có pháp ái nên khởi sanh pháp thủ, pháp ái nếu không thì làm gì có pháp thủ? A-nan nên biết, do duyên pháp ái ấy nên khởi lên sự mong cầu. Mong cầu làm duyên liền có sở đắc, vì có sở đắc nên tâm không quyết định, do không quyết định nên không có nhàm chán và biết đủ; vì trong tâm không nhàm chán, biết đủ nên liền sanh ra hỷ tham, vì tham tạo duyên nên sanh ra ngã kiến, ngã kiến đã sanh liền có chấp thủ, chấp thủ làm duyên khiến tâm liền tán loạn, do tâm tán loạn liền sanh ra nói dối, tố tụng, tranh giành, dao gậy đánh nhau. Do nhân duyên ấy liền tạo ra các nghiệp bất thiện, các nghiệp như vậy đều do tán loạn mà sanh khởi. Nếu không tán loạn thì các nghiệp không sanh. Pháp tán loạn ấy lấy gì làm duyên? Lấy chấp thủ làm duyên. Do chấp thủ nên tâm mới tán loạn. Nếu không chấp thủ thì làm gì có tán loạn? Pháp chấp thủ ấy lấy gì làm duyên? Lấy ngã kiến làm duyên nên mới khởi ra chấp thủ. Ngã kiến nếu không có thì không có chấp thủ. Pháp ngã kiến ấy lấy gì làm duyên? Lấy hỷ tham làm duyên nên mới có ngã kiến. Hỷ tham nếu không có thì không có ngã kiến. Pháp hỷ tham ấy

lấy gì làm duyên? Lấy nội tâm không nhàm chán, biết đủ làm duyên. Vì không nhàm chán biết đủ nên có hỷ tham. Nếu nội tâm cố nhàm chán, biết đủ thì không sanh hỷ tham. Nội tâm không nhàm chán, biết đủ lấy gì làm duyên? Lấy không quyết định làm duyên. Vì không quyết định nên liền không nhàm chán, biết đủ. Tâm nếu quyết định thì liền sanh nhàm chán biết đủ. Pháp không quyết định ấy lấy gì làm duyên? Lấy có sở đắc làm duyên. Vì có sở đắc nên liền không có quyết định. Nếu không sở đắc tâm liền quyết định. Pháp có sở đắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy mong cầu làm duyên. Vì có mong cầu nên thì có sở đắc. Nếu không có mong cầu liền không có sở đắc. Các pháp như vậy điều do ái hợp với mong cầu làm duyên lần lượt sanh khởi. Nên biết pháp ái có hai loại, đó là dục ái và hữu ái. Do hai pháp ái ấy mà sanh ra các tội lỗi. A-nan nên biết, pháp Ái đó là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập đó, nhân đó, sanh đó, duyên đó nên khởi lên pháp thủ. Do vậy pháp thủ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp ái lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thọ làm duyên. Do duyên thọ mà khởi sanh pháp ái. Pháp thọ nếu không thì làm gì có pháp ái? A-nan nên biết, pháp thọ này là hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi lên pháp ái. Do đó pháp ái ấy cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thọ lấy gì làm duyên? Đó là lấy xúc làm duyên. Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Pháp xúc nếu không thì làm gì có pháp thọ? Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Nếu pháp xúc không có thì làm gì có pháp thọ. Do nhãn xúc làm duyên nên nội tâm sanh ra pháp thọ là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Cũng như thế nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên cho nội tâm sanh ra các thọ, bởi vì tất cả các thọ ấy đều do pháp xúc lấy đó làm duyên. A-nan nên biết, pháp xúc đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp thọ, cho nên pháp thọ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp xúc lấy gì làm duyên? Đó là lấy lục xứ làm duyên. Do duyên lục xứ liền có pháp xúc. Lục xứ nếu không thì làm gì có pháp xúc? A-nan nên biết, pháp lục xứ đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp xúc, cho nên pháp xúc cũng không rốt ráo.

Lại nữa, lục xứ lấy gì làm duyên? Đó là lấy danh sắc làm duyên. Do danh sắc nên liền sanh ra lục xứ. Danh sắc nếu không thì làm gì có lục xứ? Danh sắc ấy gồm có sắc pháp và các món tâm pháp... tích tụ, tức là danh sắc ấy cùng với pháp thức kia hỗ tương làm duyên, hòa hợp sanh ra, gọi là danh sắc. A-nan nên biết, pháp danh sắc là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lục xứ, cho nên lục xứ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp danh sắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy pháp thức làm duyên, do pháp thức nên có danh sắc. Pháp thức nếu không thì làm gì có danh sắc? Pháp thức ấy ban đầu thọ sanh ở trong thai của mẹ, nương vào Yết-lã-lam. Pháp thức đầy đủ rồi, không có tăng giảm. Vì Thức làm nhân duyên nên sanh ra các uẩn. Danh sắc như vậy hoàn toàn đầy đủ. Nên biết thức ấy cùng danh sắc kia hỗ tương làm duyên mà được sanh khởi.

Lại nữa, nên biết pháp duyên với thức này chính là danh sắc, cho nên thức là duyên của danh sắc, danh sắc là duyên của thức. Do vậy mà sanh ra quả khổ, quả khổ đã sanh liền có già chết tương tục lưu chuyển. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy cho nên quả khổ là pháp hư vọng, không rốt ráo. Như vậy, từ nhân thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ. Như vậy là tích tập tạo ra một khối khổ lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nên biết, các thứ ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ; bị sanh và con đường đưa đến bị sanh, hai loại như vậy đều không xa lìa danh sắc. Nay A-nan, nếu hiểu rõ như vậy tức là trụ nơi nhận thức bình đẳng. Đó gọi là thông đạt pháp duyên sanh. Pháp duyên sanh này là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, chính là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan tán thán:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo nói pháp này, khiến cho chúng con và các Bì-sô đều được lợi lạc.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay Ta vì Tôn giả mà giảng nói pháp vô thọ. Tôn giả nên lắng nghe và thọ trì; phải tác ý để ghi nhớ, tư duy một cách khéo léo. A-nan

nên biết, lìa bỏ ngã tướng đó là pháp vô thọ. Vì sao? Vì pháp ngã nếu có thì pháp thọ theo đấy liền sanh. Vì do hiểu rõ pháp ngã là không thì làm gì có pháp thọ? Nay A-nan, pháp ngã và pháp thọ cả hai đều đã diệt, thì không có sở hữu, trụ vào nhận thức bình đẳng.

Nay A-nan, pháp thọ có ba loại. Đó là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Gọi là lạc thọ tức người thọ cùng pháp được thọ, đối với hai thứ ấy, nếu có thể thấy rõ được đó là pháp hoại diệt, liền không có lạc thọ. Do đấy cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết lạc thọ là pháp vô thường. lạc thọ đã diệt liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không có thì làm gì có thọ?

Lại nữa, khổ thọ, đó là người thọ và pháp được thọ, cả hai loại ấy nếu có thể hiểu rõ được là pháp hoại diệt liền không có khổ thọ. Do đấy cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết khổ thọ là pháp vô thường. Khổ thọ đã diệt thì liền xa lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Lại nữa, phi lạc khổ thọ cũng như vậy, là nói người thọ và pháp thọ, cả hai loại ấy, nếu có thể hiểu rõ đều là pháp hoại diệt, liền đối với khổ, lạc và phi khổ lạc, ba pháp đều bình đẳng nên không có đối tượng được thọ. Vì sao? Vì ba pháp thọ này đều là vô thường, rốt ráo không thật có. Thọ ấy đã diệt thì liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Nay A-nan, ý của Tôn giả thế nào? Nên biết các thọ từ tâm sanh ra, do tâm không chuyển nên nội tâm không thọ; vì pháp không thật nên bên ngoài không có đối tượng để thọ. Cho nên nay A-nan, biết rõ như vậy liền an trụ nơi nhận thức bình đẳng. An trụ nơi nhận thức ấy là vì đã thấu đạt pháp vô thọ. Pháp vô thọ này chính là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại tán thán:

—Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi tin hiểu, thọ trì.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

—Nay Ta vì Tôn giả, giảng nói pháp vô ngã. Các vị hãy lắng nghe lãnh thọ, khéo tác ý, ghi nhớ và tư duy. Nay A-nan, khi đã rõ thọ là vô sở hữu thì liền lìa ngã kiến, lìa ngã kiến rồi thì liền trụ vào

nhận thức bình đẳng. Người đã trụ vào tri kiến ấy thì đối với các tướng đều bình đẳng, do nhận thức bình đẳng nên đối với thế gian không thấy có sanh khởi. Đã rõ vô sanh nên liền đạt được: “Sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

A-nan nên biết, ngã kiến không sanh, trụ vào tri kiến bình đẳng, như vậy liền được tâm khéo giải thoát, vô tri, vô kiến và vô sở đắc, lìa các suy nghĩ đối với đắc và vô đắc, chẳng phải là hữu đắc, cũng chẳng phải là vô đắc mà biết rõ rốt ráo. Biết rõ như vậy nên đối với ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ, sự sanh và con đường của sự sanh đều hoàn toàn vô tri, vô kiến. Đã biết rõ như vậy rồi, liền lìa ngã kiến, trụ nơi tri kiến bình đẳng, biết rõ như thật. Như vậy gọi là đạt được pháp vô ngã. Đó là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy lại tán thán:

-Lành thay! Thưa Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi, tin hiểu và thọ trì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

-Ta nay vì Tôn giả sẽ giảng nói một lần nữa, Tôn giả nên lắng nghe và thọ lãnh, nên tác ý, khéo nhớ nghĩ và tư duy. A-nan nên biết, không có sắc tướng có thể đạt được, lìa các ngã chấp, biết rõ một cách như thật. Đã biết rõ rồi, quán tưởng thân này là vật hư hoại, không thật, chẳng đáng là đối tượng để yêu mến. Quán sát như vậy thì lìa các sắc tướng, không sanh ngã chấp. Ngã tướng đã diệt nên biết rõ thân này là vật hư hoại, không thật, như vậy là được trụ nơi tri kiến bình đẳng. Người trụ nơi tri kiến này liền đối với các uẩn biết rõ đều là không; các uẩn đã là không thì với ngã và sắc tướng đâu còn kiến chấp?

Lại nữa, A-nan nên biết, trú xứ của thức gồm có bảy loại, chẳng phải trú xứ của thức gồm có hai loại. Bảy trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân, vô số tướng, đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân mà có một tướng, đó là cõi trời Sơ thiên, là trú xứ thứ hai của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân mà có vô số tướng, gọi là cõi trời Nhị thiên, đó là trú xứ thứ ba của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân một tướng, gọi là cõi trời Tam thiên, đó là trú xứ thứ tư của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia đều là các sắc tướng, gồm một hư không, gọi là cõi trời Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia xa là không tướng, chỉ gồm một thức, gọi là trời Thức vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia là Thức vô biên, hoàn toàn vô sở hữu, gọi là trời Vô sở hữu xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Này A-nan, hai loại chẳng phải là trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, tức là cõi trời Vô tướng. Đó là chốn thứ nhất chẳng phải là trú xứ của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, ở nơi tất cả các xứ, là Vô sở hữu xứ, không có tướng, cũng không phải không có tướng, tức cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là chốn thứ hai chẳng phải là trú xứ của thức.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Như vậy, có sắc có chúng sanh, vô số thân, vô số tướng. Đó là trú xứ thứ nhất của Thức. Này các Bì-sô, các vị nên biết rõ như thật. Khi đi, ngồi, nói năng, thường nên xưng tán các pháp môn này. Nên phân biệt thuyết giảng cho người khác nghe một cách rộng rãi, như vậy cho đến trú xứ thứ bảy của thức và hai pháp môn chẳng phải trú xứ của thức. Cũng như vậy, khi đi, ngồi, nói năng nên luôn xưng dương tán thán những điều chư Phật đã dạy, khởi lòng tin thanh tịnh, thấu đạt như thật. Nếu ai thấu đạt thì liền được trí tuệ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Lại nữa, A-nan nên biết, có tám pháp môn giải thoát, đó là:

Nếu bên trong có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ nhất.

Nếu bên trong không có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ hai.

Nếu thân chứng đắc, thanh tịnh, giải thoát thì đó là pháp môn giải thoát thứ ba.

Nếu đạt được thanh tịnh rồi, liả các sắc tướng, quán tất cả như hư không, không có biên giới. Quán niệm như thế thành tựu rồi, thì đó là Không vô biên xứ, pháp môn giải thoát thứ tư.

Nếu liả Không vô biên xứ nên quán thức, với thức cũng nhận thấy là vô biên. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là Thức vô biên xứ, là pháp môn giải thoát thứ năm.

Nếu đã liả Thức vô biên xứ, nên quán tất cả đều không có sở hữu. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là “Vô sở hữu xứ, là pháp môn giải thoát thứ sáu.

Nếu đã liả Vô sở hữu xứ, nên quán Phi tướng phi phi tướng xứ. Quán như thế được thành tựu thì đó là, Phi tướng phi phi tướng xứ, là pháp môn giải thoát thứ bảy.

Nếu đã liả Phi tướng phi phi tướng xứ ấy, nên diệt thọ tướng, trụ nơi Tam-ma-địa. Pháp vị ấy đã thân chứng, chính là Diệt thọ tướng, là pháp môn giải thoát thứ tám.

Như vậy gọi là Tám pháp môn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Tôn giả nay nên biết, trước Ta đã nói về bảy trú xứ của thức, hai chỗ không phải là trú xứ của thức và tám pháp môn giải thoát. Nay các Bí-sô, những điều Ta giảng nói các vị phải hiểu rõ như thật, thường nên tùy hỷ xưng tán, lại nên theo như lý mà tu tập. Nếu ai thông đạt các pháp môn này một cách viên mãn thì được hai thứ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và các Bí-sô đều rất hoan hỷ, tin nhận, vâng làm.



SỐ 53

PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các thầy Tỳ-kheo sau giờ thọ trai, tập hợp nhau để luận bàn về những vấn đề nhỏ. Lúc đó có những người ngoại đạo sau bữa ăn trưa cũng đi quanh quần rồi đến chỗ của các thầy Tỳ-kheo ấy. Đến nơi họ chào hỏi các thầy Tỳ-kheo. Sau khi đã chào hỏi nhau, những người ngoại đạo ấy ngồi xuống một bên và nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm dùng trí tuệ nói về tham dục, dùng trí tuệ nói về sắc, thọ. Chư Hiền, chúng tôi cũng dùng trí tuệ nói về tham dục, dùng trí tuệ nói về sắc, thọ. Này chư Hiền, có gì sai khác? Có hơn bao nhiêu đâu? Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi đều có trí tuệ như nhau.

Các thầy Tỳ-kheo nghe những người ngoại đạo nói như vậy cũng không trả lời hay chỉ trích. Không trả lời hay chỉ trích, các thầy Tỳ-kheo im lặng rời khỏi chỗ ngồi, trở về tịnh thất và nói với nhau:

–Những lời của hàng ngoại đạo vừa nói, chúng ta hãy đến thỉnh Đức Thế Tôn, vì Ngài biết rõ nghĩa sâu rộng ấy.

Các thầy Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, tất cả đều đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Sau khi đã an tọa, các thầy thuật lại hết với Đức Thế Tôn những gì đã xảy ra khi gặp ngoại đạo.

Đức Thế Tôn nghe xong mọi sự mới bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, lúc đó các thầy nên nói với những người ngoại đạo ấy thế này: “Thế nào là sự thú vị của tham dục? Thế nào là hư hỏng? Thế nào là buông bỏ? Thế nào là sự thú vị về sắc? Thế nào là hư hoại? Thế nào là buông bỏ?”

Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi như vậy. Khi hàng ngoại đạo kia nghe xong, mỗi người sẽ nhìn nhau tìm cách luận bàn khác nhau và chắc chắn sẽ có sân hận. Khi đã nổi sân hận thì họ sẽ lặng im với vẻ mặt không vui, toát mồ hôi lạnh, quay đi nơi khác. Vì không thể đáp lại nên mặt mày họ thất sắc. Họ sẽ im lặng kéo nhau trở về. Vì sao? Vì Ta không thấy trời hay thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên hay loài người được nghe những điều mà Ta nói có thể hiểu biết như Ta. Nếu từ Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai mà họ được nghe những điều ấy, họ sẽ hiểu thế nào là sự thú vị của tham dục, nghĩa là nhân của năm thứ dâm. Nếu họ sanh vui mừng, nếu họ sanh hoan hỷ, như vậy là sự thú vị của tham dục. Trong đấy có nhiều hư hỏng. Thế nào là sự hư hỏng của tham dục?

Này thiện nam, hoặc làm các nghề thợ, kỹ thuật để nuôi sống bản thân, hoặc cày bừa canh tác, hoặc mua bán, hoặc làm nhà văn, hoặc học toán số, hoặc học tính toán, hoặc làm thơ, hoặc học những đoạn những phần kệ tụng trong kinh luận, hoặc dạy học, hoặc ứng thí làm quan... chịu bao lạnh lẽo buốt xương, chịu nóng đốt bức bách, gắng gượng nhẫn chịu sự đói khát, chịu muỗi mòng, ruồi nhặng gặm nhấm... chúng sanh vẫn chịu để cầu tiền tài.

Này thiện nam, phát sanh những ý nghĩ như vậy, tạo tác những hành động như vậy, nỗ lực làm như vậy, con người hành động tất cả mọi việc nhưng chẳng được của cải vật chất, nên sanh ra lo buồn không vui, tự đánh vào mình khóc lóc, ngu si nói thế này: “Ta vì hành động ngu si nên không đạt được gì cả”.

Người đó lại nỗ lực làm việc sao cho đạt kết quả. Đã có tiền của rồi, người ấy hết sức giữ gìn, cất giấu chôn vùi và nghĩ: “Mong sao cho tài sản của ta không bị vua đoạt. Ta chớ để cho giặc cướp lấy mất, chớ để cho lửa đốt cháy, chớ để cho hư nát, chớ để cho thất thoát mà mất lợi”. Người đó cố giữ gìn tiền của nhưng vẫn bị vua chiếm đoạt, bị giặc cướp, bị lửa đốt cháy tiêu tan chẳng còn gì. Mất lợi, chẳng được lợi,

người ấy lại lo buồn không vui, than khóc, tự đánh đập mình, tăng thêm ngu si. Người ấy trong cuộc sống mê lầm trôi nổi theo sanh tử đáng lẽ được vui thích thì lại hận nhớ đến sự thất bại tan tác này. Do đây, trong hiện tại thân này là khổ ảm.

Do nhân tham dục, do duyên với tham dục nên dục tăng trưởng. Đây là nhân duyên nơi tham dục. Chúng sanh nhân tham dục, duyên nơi tham dục, nên dục tăng trưởng. Vì nguyên nhân tham dục nên mẹ và con tranh nhau, con và mẹ tranh nhau; cha và con tranh nhau, con và cha tranh nhau; em và anh tranh nhau, anh và em tranh nhau. Tất cả cùng tranh giành nên mẹ nói con sai, con nói mẹ sai; cha nói con sai, con nói cha sai; anh nói em sai, em nói anh sai; huống chi là những người ngoài với nhau? Đây là khổ ảm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên với tham dục nên tăng thêm nhiều tham dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục, do duyên tham dục, do dục tăng trưởng nên vua và vua tranh nhau, Bà-la-môn và Bà-la-môn tranh nhau, Cư sĩ và Cư sĩ cùng tranh nhau, người bản cùng và thợ thuyền cùng tranh với người bản cùng và thợ thuyền. Tất cả đều tranh giành xâu xé, mọi người đều thực hiện các cách tranh giành xâu xé: hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng dao, hoặc dùng gậy. Sự chết chóc ở trong ấy là chết khổ. Đây là khổ ảm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên, khiến họ phải mặc áo giáp, cầm cung tên; hoặc mặc áo giáp da, cầm dao thật bén cùng đánh nhau. Trong trận đấu đó, họ dùng voi, hoặc dùng ngựa, hoặc dùng xe, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng người nữ, hoặc dùng người nam. Nơi trận chiến ấy có rất nhiều sự chết chóc khổ sở. Đây là khổ ảm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm dục. Các chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên mặc áo giáp, cầm dao thật bén đến thành cao nhất và muốn chặt chém. Trong trận đánh đó, họ hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc cất tiếng kêu gọi, hoặc dùng chày, hoặc dùng mác, hoặc dùng mâu, hoặc dùng vòng tròn bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc xô đá đè, hoặc dùng cung, hoặc rót nước đồng đổ xuống. Những sự chết nơi ấy là chết khổ. Đó là khổ ảm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên nơi tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Các chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên đến nơi thành ấp của vua, họ dục tướng, phá kho, hoặc tham vật của người khác, hoặc cắt đường làm gián đoạn, phá hoại thành người, phá thôn xóm người, giết người. Họ bị quan binh nhà nước truy đuổi, bắt trói dùng các hình phạt khổ sở: hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo tai, hoặc cắt mũi, hoặc cắt tai, hoặc bị cắt búi tóc, hoặc bị cắt tóc, hoặc bị cắt cả búi tóc, hoặc nhốt vào khám, hoặc bị thắt cổ, hoặc bị cát đá chôn vùi, hoặc cỏ phủ lấp, hoặc bị đặt trong hàm sắt của lừa, hoặc bị đặt trong hàm sắt của sư tử, hoặc bị đặt trong chỗ đồng, hoặc bị đặt trong chỗ sắt, hoặc bị chặt thành đoạn ngắn, hoặc bị đao bén đâm, hoặc nằm lên giường sắt nóng, bị nước dầu sôi rót vào, hoặc bị bỏ vào cối dùng chày sắt đâm nát, hoặc bị rắn cắn, hoặc bị đánh đập, hoặc bị đâm đá cho đến bị cắm vào cột rồi dùng dao chặt đầu. Đây là khổ ấm của thân trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên tạo tác thân hành khổ, miệng ý hành khổ. Chúng sanh ấy lúc bị khổ về bệnh hoạn, hoặc nằm trên giường, hoặc nằm trên chõng, hoặc nằm trong bóng râm, thân thể vô cùng đau đớn, mạng sống sắp chấm dứt. Nghĩa là thân chúng sanh ấy bị hành khổ và miệng ý cũng bị hành khổ. Chúng sanh đó đến giờ phút cuối đời, hướng đến cảnh giới thấp hèn. Giống như lúc trời tối dần, mặt trời lặn khuất vào núi lớn hoặc giữa núi lớn, bóng núi đảo ngược trở xuống. Như thế, thân kia bị hành khổ, miệng bị hành khổ và ý cũng bị hành khổ. Khi chúng sanh ấy qua đời, hướng về cảnh giới bên dưới, nên suy nghĩ: “Thân này bị hành khổ, miệng và ý bị hành khổ nên hướng về cảnh giới bên dưới là bởi ta vốn không tạo hạnh lành, vốn không tạo phước vì ta đã làm quá nhiều việc ác, nghĩa là hướng đến hành động ác, hành động tham, hành động hung bạo, không làm việc phước, không làm việc thiện, không biết nẻo quay về, chắc rằng ta sẽ bị đọa vào nẻo ác”. Chúng sanh ấy liền sanh tâm hối hận. Khi đã hối cải rồi lại sanh điều bất thiện khác. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng, chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên thân bị hành khổ,

miệng ý bị hành khổ. Chúng sanh đó thân, miệng, ý đã bị hành khổ rồi, do nhân đó, duyên đó, nên khi thân chết đi, sanh vào địa ngục xấu ác. Đây là khổ ấm của thân sau khi chết.

Do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng, đó là sự hư hoại của dục. Thế nào là bỏ dục? Nếu ai đối với dục có tâm cầu dục, biết ngừng tâm cầu dục thì sẽ vượt qua tham dục. Bỏ được sự tham dục này là bỏ dục.

Này các vị Sa-môn, Bà-la-môn, như vậy là sự thú vị của dục, trong đó có sự hư hỏng. Không biết buông bỏ đúng pháp thì đâu thể tự bỏ dục được? Lại có thể đoạn trừ cho người khác được sao? Cả hai trường hợp này đều không thể ngừng dục. Việc này không thể được.

Này các vị Sa-môn, Bà-la-môn, sự thú vị của dục là như thế, nên biết đây là sự hư hỏng, thì có thể biết cách dứt bỏ đúng theo pháp. Sau đó tự mình có thể dứt hẳn tham dục, cũng có thể giúp người khác dứt hẳn tham dục. Cả hai trường hợp này đều có thể dứt hẳn tham dục, điều này đạt được.

Thế nào là thú vị về sắc? Nếu con gái của chủng tộc Sát-lợi, của chủng tộc Bà-la-môn, của hàng thương gia, của thứ dân đến tuổi mười bốn, mười lăm, đó là thời điểm nhan sắc dung mạo hoàn chỉnh nhất. Khi các cô có hình sắc dễ ưa dễ nhìn, đây là thời gian tạo nên sự thú vị của sắc, trong đó có nhiều hư hoại.

Thế nào gọi là sắc hư hoại? Nếu như nhìn thấy cô gái trở thành một bà già luống tuổi, răng rụng, tóc rụng, lưng còng phải chống gậy mà đi thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Bạch Thế Tôn, đúng thế.

–Lại nữa, nếu như thấy cô gái trở thành người bệnh hoạn khổ sở, hoặc nằm trên giường, hoặc nằm trên chõng, hoặc nằm trong bóng râm, trong thân mang đầy bệnh tật vô cùng đau đớn buồn khổ và sắp qua đời thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái lúc chết, từ một ngày đến bảy ngày, hoặc bị chim mổ, hoặc bị quạ rỉa, hoặc bị chồn ăn, hoặc bị lửa thiêu, hoặc chôn, hoặc trùng đục khoét thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh

đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, hoặc là xương xanh, hoặc trùng rĩa rói, hoặc là xương trắng thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như thây chết, không có da thịt, chỉ có những sợi gân liên kết nhau thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, xương gân rã rời mỗi chỗ khác nhau: xương ống chân một chỗ, xương đầu gối, xương đùi, xương lưng, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ... mỗi bộ phận ở tại một nơi thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, xương trắng như vôi, hoặc màu xanh chàm, hoặc đỏ như tẩm dầu, hoặc vỡ vụn thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Đó gọi là sắc hư hoại. Thế nào gọi là lìa bỏ sắc? Là nói những ai đối với sắc có tâm tham cầu thì cần phải ngưng dứt sự tham cầu ấy, vượt qua tất cả tâm tham cầu để lìa bỏ sắc ấy.

Này các vị Sa-môn và Bà-la-môn, như thế, đối với sự hư hoại của sắc mà không biết buông bỏ, không biết đúng như thật thì đâu có thể tự ngưng dứt sắc? Lại có thể làm cho người khác ngưng dứt được sao? Ở trong cả hai điều đó mà có thể dừng dứt sắc được không? Việc ấy không thể được.

Này các Sa-môn và Bà-la-môn, như thế, người nào đối với sự thú vị của sắc mà biết sự tan hoại của nó, biết buông bỏ xa lìa, biết đúng như thật thì vị ấy có thể tự dừng dứt nơi sắc, và có thể làm cho người khác ngưng dứt. Sống đúng như vậy thì có thể ngừng bỏ sắc. Việc này có thể đạt được.

Thế nào là thú vị nơi thọ? Thầy Tỳ-kheo đã giải thoát dục, an trú nơi Chánh định của Tứ thiên. Trụ nơi thiên này sẽ không tự hoại mình

và không hủy hoại người khác. Ở đây không hủy hoại thì đạt được an lạc. Vì sao? Vì Ta nói không sân hận thì được lạc thọ. Đây là thú vị của thọ.

Thế nào là sự hư hoại của thọ? Ý nói thọ là pháp vô thường, khổ, tan hoại. Đó là sự tan hoại của thọ.

Thế nào là từ bỏ thọ? Nghĩa là đình chỉ, vượt qua sự tham muốn về thọ. Đó là bỏ thọ. Nếu Sa-môn và Bà-la-môn nào đối với sự thú vị của thọ không biết sự tan hoại của nó, không biết buông bỏ, không biết như thật thì làm sao có thể tự ngưng dứt nơi thọ được? Và làm sao có thể làm cho người khác dừng dứt được? Thực hành cả hai để có thể buông bỏ thọ, việc này không thể được.

Này các Sa-môn và Bà-la-môn như thế, vị nào đối với thú vị của thọ ấy biết là pháp tan hoại, biết buông bỏ, xa lìa, biết như thật, vị ấy có thể tự tịch chỉ thọ, và có thể làm cho người khác cũng dừng bỏ. Thực hành cả hai thì có thể dừng bỏ thọ. Việc này có thể đạt được.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 54

PHẬT NÓI KINH THÍCH MA-NAM BỔN

Hán dịch: Đồi Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.

Nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Thích-ky-sấu, du hành đến nước Ca-duy-la-vệ-đâu, an tọa bên một gốc cây trong vườn Nê-câu-loại.

Bấy giờ, có người thuộc họ Thích, tên là Ma-nam đi đến trước Đức Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Đức Phật rồi thưa:

–Con thường nghe Đức Phật dạy: “Phải thấu giữ điều phục tâm ý”. Con nghe Đức Phật dạy: “Tâm con người có ba trạng thái: có dâm, nộ, và si”. Từ khi nghe được như vậy đến nay, con thường ghi nhớ trong tâm, con tự suy nghĩ: “Nếu không có dâm, tâm ta liền chân chánh; nếu không có sân, tâm ta liền chân chánh; nếu không có si, tâm ta liền chân chánh”. Con tự suy nghĩ: “Mình đã thường giữ ba thứ ấy, ý bất động, do nhân duyên gì vẫn không được giải thoát?”.

Đức Phật dạy:

–Nếu giải thoát được tâm dâm, tâm nộ và tâm si, vậy do nhân duyên gì mà vẫn còn sống chung với vợ con? Do còn có tâm tham. Nay Hiền giả, hãy tự tư duy: “Nay ta tuy có chút khổ, nhưng về lâu sau sẽ được an lạc lớn; cùng ở chung với vợ con, tuy sướng vui trong chốc lát nhưng về sau sẽ hết sức đau khổ”. Nay Hiền giả, nên biết thế gian vui ít nhưng khổ nhiều.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo đăc đạo quả A-la-hán biết thế gian vui ít khổ nhiều, cho nên Ta đốc câu Phật đạo chử nghĩ thế gian là vui thì ít nhưng khổ nhiều. Khi Ta làm Bồ-tát, thường nghĩ đến thế gian vui ít khổ nhiều.

Ma-nam nói:

–Chử riêng Đức Phật và A-la-hán mới có ý niệm ấy sao?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, hãy nghe Ta nói rồi ghi khắc trong tâm: Con người ở thế gian, những gì là thú vui của họ?

Đó là năm thứ dục lạc làm con người vui thích tham đắm: mắt tham đắm sắc đẹp liền để trong tâm, ngày đêm suy nghĩ, do sắc đẹp nên tham đắm; tai nghe tiếng hay, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi thích vị ngon, thân ưa vật mềm dịu, liền tham đắm vướng mắc trong tâm. Vì tham đắm sắc đẹp, cũng vậy, đối với năm thứ kia, con người trong thiên hạ đều tham đắm. Sự tham đắm của người đời đều không ngoài năm thứ ấy, được mấy người biết lo tìm cách thoát ra? Người thế gian hoặc làm ruộng vườn để sinh sống, hoặc làm thợ thầy, hoặc buôn bán ở nơi phố chợ để kiếm sống, hoặc là quan chức để sinh sống, hoặc nuôi súc vật, hoặc làm thợ vẽ để sinh nhai. Những người ấy chịu đựng sự lạnh lẽo, sự nóng bức, sự khổ sở, sự đói, sự khát. Họ đều bị ý tham nên phải nhẫn chịu sự lạnh, sự ấm, sự đói, sự khát, rồi tự oán rằng: “Ta làm việc để sống, trải qua bao nhiêu năm trời, khổ sở muốn chết, nhưng vẫn không kiếm được tiền tài chi cả, vẫn sống với sự khổ lạnh, hoặc bệnh hoạn ốm yếu”.

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, đó là sự khổ thứ nhất.

Điều thứ hai là con người trong tâm có ý tham dâm. Hoặc có người làm ruộng vườn, hoặc có người làm thợ thầy, hoặc có người mua bán ở phố chợ, hoặc có người làm quan lại, hoặc có người nuôi súc vật, hoặc có người làm thợ vẽ. Khi làm việc để sinh sống phải chịu đựng sự lạnh, nóng, đói, khát để có tiền tài. Nhờ đó được giàu có nhưng lại ôm lòng lo sợ bị nhà nước lấy hết tiền tài, hoặc sợ lửa cháy thiêu hết; hoặc sợ lúc đi ghe, ghe chìm làm mất hết của cải; hoặc sợ giặc cướp cướp hết vật báu, hoặc sợ lúc mua bán đổi chác làm hết vốn liếng, hoặc sợ những người thân thuộc nghèo khổ dùng thuốc độc để hại họ, hoặc bị

con ruột làm tiêu hết sản nghiệp. Người ấy thường sống trong lo âu, ngày đêm ôm lòng lo sợ không phút nào ngơi. Trong số đó lại có người đang cất giữ tiền tài thì hoặc gặp vua quan chiếm đoạt, hoặc bị lửa cháy nước trôi, hoặc mua bán, vay mượn không trả, hoặc đem chôn giấu trong đất nay quên mất chỗ, hoặc bị vu khống, hủy báng làm cho mất hết, hoặc có con ruột tiêu hết sản nghiệp của cha mẹ. Người ấy tự nghĩ: “Từ lúc còn nhỏ ta đã mưu sinh, phải chịu đựng sự lạnh, nóng, đói, khát hoặc cực khổ để kiếm ra tiền, nay lại bị mất hết. Do nhớ nghĩ, lo sâu nên bị bệnh, hoặc bị chết, đều do tiền tài gây ra. Những việc ấy đều do ý tham trong ngũ dục mà ra”. Đó là sự khổ thứ hai.

Điều thứ ba là người thế gian vì có tiền của nên cha tranh với con, anh tranh với em, chồng tranh với vợ, hoặc bằng hữu tri thức tranh chấp nhau, hoặc nội ngoại các gia đình tranh chấp nhau, sau lưng nói xấu lẫn nhau. Các thứ ấy đều do tham dục lạc mà ra. Người thế gian nhân vì tiền tài mà vua đánh với vua, đạo nhân đánh với đạo nhân, chủ ruộng đánh với chủ ruộng, thợ thầy đánh với thợ thầy, do vị tiền tài nên dùng miệng chửi nhau, dùng gậy đánh nhau, dùng dao chém nhau, hoặc làm chó bị thương, chết chóc. Tất cả đều do lòng tham mà ra. Đó là sự khổ thứ ba.

Điều thứ tư là người thế gian đi theo quân đội nhận tiền lương của quan phải đi chiến đấu, chẳng biết sống chết lúc nào, do lòng tham nên mới tòng quân. Vì lãnh tiền của quan cho nên họ không thể dừng lại, phải chiến đấu, hoặc bị thương ở đầu, hoặc bị chém đứt đầu, hoặc bị thương ở tay, hay bị đứt tay, hoặc bị thương ở chân hay bị cắt chân, lần hồi đưa đến sự mất mạng. Đó đều do tham lam mà ra. Ấy là sự khổ thứ tư.

Điều thứ năm là người thế gian có ý tham, ban đêm khoét tường nhà người ta để ăn trộm, hoặc cướp của người ta ở giữa đường, hoặc đập phá thành quách của người nên bị quan bắt được, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc phanh thây, hoặc lóc thịt, hoặc dùng lửa đốt, hoặc lấy chày lớn đập bể trán, hoặc chém ngang lưng. Những thứ ấy đều do lòng tham mà ra. Đó là sự khổ thứ năm.

Người thế gian vì tiền tài mà trở thành đối trá lẫn nhau, miệng cũng đối trá, thân cũng đối trá, ý cũng đối trá lẫn nhau. Bấy giờ tự họ cho đó là việc cần làm, không có tội lỗi gì cả, không biết sự tai hại của

nó, về sau phải bị đọa vào địa ngục. Trong đó nếu Hiền giả hay Sa-môn tự tư duy năm dục lạc của thế gian vui nhiều hay khổ não ưu sầu nhiều?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, khi Ta còn làm Bồ-tát thường nghĩ về thế gian vui ít mà khổ não lại nhiều, do đó mà Ta cầu đạo giải thoát. Nếu có người muốn cho rằng: “Thế gian là vui”, vì họ đều không biết về con đường sanh tử. Nếu thế gian có bậc tâm ý hiền thiện, không tham, lại muốn dạy cho con người chớ có tham dục, đó là bậc Đại đức tối thượng.

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, Ta thường đến thành Vương xá, có một hòn núi tên là Thiết-đề-ban-lãm-cù-hà-đọa-phu-thê-phái-thí. Ta thấy các người theo phái Ni-kiền có người xõa tóc, có người còng lưng, kẻ ngồi dưới đất, kẻ nằm nơi đất, thân thể không có y phục, họ đều che bằng da nai. Ta từ xa trông thấy, đến phía trước nói với các Ni-kiền: “Do nhân duyên gì khiến các ông xõa tóc, do nhân duyên gì mà các ông ngồi, nằm nơi đất, cũng không mặc áo quần, tự làm sự độc hại như vậy?”

Các Ni-kiền trả lời:

–Đời trước chúng tôi làm ác nên mới khiến đời này bị khốn khổ như vậy, do hành vi ác chưa hết nên chúng tôi mới làm như thế.

Đức Phật nói:

–Do nhân duyên gì mà các ông nghe và biết được việc ấy? Vậy có phải theo người ta mà nghe biết được việc đã làm ở đời trước chăng? Hay là tự biết?

Các Ni-kiền đáp:

–Chúng tôi không biết, cũng không nghe, cũng không nhờ ai dạy chỉ cả.

Đức Phật bảo:

–Các ông cố dùng sự khổ hạnh này để thoát được sanh tử sao? Các ông không nghe người ta nói, cũng không nghe thầy dạy như vậy. Khi không mà tự chuốc lấy sự khốn khổ. Vậy sao không bỏ việc làm ấy, đi đến tôn thờ Phật đạo.

Đức Phật bảo:

–Ta chỉ tiếc cho các ông, hoặc tự thân suy nghĩ, hoặc con cháu đời sau đều bắt chước việc làm này của các ông.

Các Ni-kiền đều tức giận Đức Phật, bảo:

–Vua Bình Sa tại sao lại cho Sa-môn Cù-đàm này truyền đạo trong nước?

Đức Phật bảo các Ni-kiền:

–Các người chớ có giận dữ! Vua Bình Sa đã lãnh hội, thọ trì kinh Phật nên không dám có lời khi đối.

Đức Phật nói với các Ni-kiền:

–Các ông cho rằng có thể ngồi ngay thẳng trong bảy ngày bảy đêm, không ăn uống, không nói chuyện, như vậy là vui chăng? Hay nhà vua có cung điện, kỹ nhạc là vui?

Ni-kiền nói:

–Này Sa-môn Cù-đàm, chúng tôi vui.

Đức Phật nói:

–Sao gọi là vui? Vua Bình Sa trị nước vì sao lại không vui?

Ni-kiền thưa:

–Này Sa-môn Cù-đàm, chúng tôi ít lo buồn cho nên vui hơn vua Bình Sa.

Đức Phật nói:

–Này các Ni-kiền, vua Bình Sa có ý dâm, có ý nộ, có ý si, cũng muốn hàng phục các quần thần, cũng muốn hàng phục các dân chúng bên ngoài, ngày đêm suy nghĩ: “Phải xử trị ai? Phải bắt bớ ai?”.

Đức Phật nói:

–Người có lòng dâm cũng sẽ tự giết mình, cũng muốn sát hại người khác. Người có lòng sân hận cũng tự giết mình, cũng muốn giết hại người khác. Người si mê cũng sẽ tự giết mình, cũng muốn giết hại người khác.

Các Ni-kiền đều đến trước Đức Phật thưa:

–Chúng tôi không có tâm niệm dâm, cũng không có tâm niệm sân, cũng không có tâm niệm si, vậy có thể làm Sa-môn được chăng?

Đức Phật bảo:

–Hãy trở về báo cho cha mẹ các ông biết.

Các Ni-kiền thưa:

–Chúng con bỏ nhà học đạo, đều được sự đồng ý của cha mẹ rồi.

Đức Phật dạy:

–Vậy các ông hãy quy y, thọ trì năm giới.

Các Ni-kiền đều thọ năm giới:

1. Không giết hại.
2. Không trộm cắp.
3. Không xâm phạm phụ nữ nhà người khác.
4. Không dối trá.
5. Không uống rượu.

Các Ni-kiền thọ trì năm giới, mặc áo, búi tóc lên, giữ chánh hạnh. Ai nấy đều trở về nhà của mình:

Đức Phật bảo Ma-nam:

–Nếu nghe nói qua về ý dâm, ý nộ, và ý si này, nếu cho rằng ta thọ trì lời Phật dạy, hoặc suy tư chín chắn về năm điều này, vậy có nên tranh giành với người thế gian chăng?

Ma-nam thưa:

–Con sẽ trở về suy tư, đọc tụng kinh điển này, ngày mai sẽ đến chỗ Đức Phật.

Ma-nam đến trước Đức Phật đánh lễ rồi đi.



SỐ 55

PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM NHÂN SỰ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-lâu, thuộc thành Ca-duy-la-bà của chủng tộc Thích-ky-đế (dòng Sát-đế-lợi). Bấy giờ Thích-ma-ha-năng-cử, sau buổi trưa ung dung đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, ông đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Thích Đại lực sĩ (Thích-ma-ha-năng-cử) sau khi ngồi qua một bên liền bạch với Đức Thế Tôn:

–Như những pháp Đức Thế Tôn đã giảng dạy con đều biết hết. Đó là ba ý niệm trói buộc: Ý dâm trói buộc, ý sân hận, ngu si trói buộc. Như vậy, những pháp Đức Thế Tôn chỉ dạy con đều biết. Nay con đã dấy khởi sự dâm dục vướng mắc nơi ý mình, đã dấy sự sân hận và ngu si vướng mắc nơi ý mình. Cho nên, bạch Đức Thế Tôn, con đã nghĩ như vậy: “Ta có pháp gì chưa dứt sạch mà khiến sanh ra dâm dục, vướng mắc nơi tâm ý? Sanh ra sự sân hận, ngu si vướng mắc nơi tâm ý?”.

Đức Phật dạy:

–Này Đại lực sĩ, pháp chưa dứt sạch, khiến cho ông ở tại nhà cũng không học đạo, không tin và ưa thích việc xuất gia, từ bỏ gia đình. Này Đại lực sĩ, nếu pháp ấy dứt sạch thì ông sẽ không ở tại gia, ông chắc chắn sẽ có thể tin thích xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo. Này Đại lực sĩ, pháp ấy vì chưa dứt sạch cho nên mới khiến ông ở tại nhà, không tin thích xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo.

Bấy giờ Thích Đại lực sĩ từ tòa đứng dậy, bước qua một bên, sửa lại y phục, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Như vậy, nay con đối với Đức Thế Tôn có sự tin thích, cúi mong Đức Thế Tôn khéo vì con giảng nói pháp. Con nhờ thấy pháp mà dứt sạch được nghi ngờ.

Đức Phật bảo:

–Này Đại lực sĩ, có năm dâm dục, ái niệm, ái sắc, gần với dâm, khiến nhiễm đắm: Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết vật mịn trơn. Ở trong các thứ ấy mà tự vui thích, yêu mến mùi vị, vui thích trong đó. Như vậy, này Đại lực sĩ, ở trong sự thú vị của dâm có nhiều hư hoại. Này Đại lực sĩ, vì sao nói ở trong dâm dục có nhiều sự hư hoại? Này Đại lực sĩ, nếu người con nhà dòng dõi học làm thợ khéo léo để tự bảo tồn mạng sống, hoặc cày ruộng, hoặc mua bán, hoặc sao chép sách, hoặc học số, hoặc học toán, hoặc học in ấn, hoặc học thơ, hoặc học làm đồ gốm, hoặc dạy học, hoặc được vua chiêu mộ; những người ấy bị sự buốt giá bức bách, sự nóng lạnh thiêu đốt, phải nhẫn chịu sự đói khát dày vò, bị muỗi mòng, chí rận chích hút, họ mong cầu tiền của. Người con nhà dòng dõi kia, như vậy, đã làm những việc như vậy, siêng năng làm việc như vậy, nhưng vẫn không thể kiếm ra tiền. Kẻ ấy liên ưu sầu, không vui, khóc lóc, tự đánh, đập thân mình, tăng thêm sự ngu si, siêng năng làm việc mà không có kết quả.

Nếu người con nhà dòng dõi kia làm những việc như vậy, siêng năng làm việc như vậy, kẻ ấy có được nhiều tiền của. Khi được tiền của rồi, vị ấy liền giữ gìn đừng cho tiền của ấy bị vua chiếm đoạt, không để giặc cướp, không để lửa cháy, không để hư mục, không để hao tổn, bị thất lợi. Kẻ ấy gìn giữ tiền của như vậy nhưng vẫn bị vua chiếm đoạt, giặc cướp, lửa cháy, bị tiêu hủy, hao tổn, bị thất lợi. Kẻ ấy liên ưu sầu, không vui, khóc lóc, tự đánh, đập thân mình, chỉ thêm sự ngu si.

Lại nữa, những gì mà ta yêu thích lâu dài chắc chắn sẽ bị hư hoại. Do đó, này Đại lực sĩ, thân ở hiện tại này là khổ ấm. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, chính là nhân duyên của dục ấy. Này Đại lực sĩ, chúng sanh nhân vì tham dục đưa đến tham dục tăng trưởng. Do tham dục mà mẹ tranh với con, con tranh với mẹ, cha tranh với con,

con tranh với cha, anh tranh với em, em tranh với anh. Họ tranh giành với nhau: Mẹ nói con sai, con nói mẹ sai, cha nói con sai, con nói cha sai, anh nói em sai, em nói anh sai. Huống chi là đối với người ngoài?

Này Đại lực sĩ, đó là khổ ảm hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng. Này Đại lực sĩ, do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng khiến vua tranh với vua, Bà-la-môn tranh với Bà-la-môn, Cư sĩ tranh với Cư sĩ, giặc cướp tranh với giặc cướp, thợ thuyền tranh với thợ thuyền. Họ tranh giành với nhau tạo ra đủ thứ dụng cụ để chiến đấu. Hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập, trong đó có người chết, hoặc khổ gần chết. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ảm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, nên họ mới mặc áo giáp, mang cung tên, mang áo giáp bằng da, cầm dao thật bén, vây nhau mà đánh. Khi lâm trận, họ hoặc dùng voi để đấu, hoặc dùng ngựa, hoặc dùng xe, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng đàn bà, hoặc dùng đàn ông; ở đây hoặc có người chết, hay khổ gần chết. Đó chính là, này Đại lực sĩ, khổ ảm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục đưa đến dục tăng trưởng, nên họ mới mặc áo giáp, mang cung tên, mang áo giáp bằng da, cầm dao thật bén, đi đến thành thật cao ý muốn công phạt. Những kẻ ấy trong lúc đó, hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc dùng tiếng kêu gọi, hoặc dùng chày sắt, hoặc dùng xoa, hoặc dùng kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn lẫn nhau, hoặc xô đá chạy loạn xạ, hoặc dùng nổ, hoặc lấy nước đồng sôi đổ xuống, trong đó có người chết, hay khổ gần chết. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ảm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng nên họ đi đến thành ấp của vua, hoặc xuyên qua tường, phá kho, hoặc ăn cắp đồ vật của người khác, hoặc đánh hoặc chặn đường cướp của người khác, phá thành người khác, phá thôn, giết người. Kẻ ấy bị quan chức trách bắt được hành xử đủ điều khổ sở, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc cắt tai, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt lưỡi, hoặc cắt búi tóc, hoặc cắt tóc, hoặc cắt cả tóc và búi tóc, hoặc bỏ vào trong hòm, hoặc lấy áo phủ lại rồi giết, hoặc lấp cát đá lên trên, hoặc phủ cỏ lên

trên, hoặc bỏ trong miệng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ trong miệng con sư tử bằng sắt, hoặc bỏ vào trong cái chảo bằng đồng, hoặc bỏ trong chảo bằng sắt, hoặc cắt ra từng đoạn, hoặc dùng dao bén đâm vào hai tay, hoặc nằm trên giường bằng sắt nóng, hoặc dùng dầu sôi mà rưới, bỏ vào cối lấy chày sắt mà giã, hoặc cho rấn cán, hoặc lấy gậy đập, hoặc dùng cây ném, hoặc dẫn đến dưới cây nêu lấy dao chặt đầu. Đây Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, tạo thân hành khổ, miệng, ý hành khổ. Lúc ấy họ hoặc bị khổ hoạn bệnh, nằm ở trên giường, nằm ở trong bóng mát, thân bị bệnh, cực khổ, đau đớn, không vui, mạng sống sắp hết. Kẻ ấy thân hành khổ, miệng, ý hành khổ, đến lúc mạng chung tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Giống như lúc hoàng hôn, mặt trời sắp lặn xuống ngọn núi lớn, xuống giữa ngọn núi lớn thì bóng hòn núi ấy ngã dài dưới đất. Cũng như vậy, kẻ kia thân hành khổ, miệng hành khổ, ý hành khổ, đến lúc mạng chung tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Kẻ ấy nghĩ như vậy: “Thân ta khổ hạnh, miệng khổ hạnh, ý khổ hạnh nên tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Ta vốn không thực hành đúng pháp, vốn không làm phước, ta chỉ làm điều tội ác. Vì thích làm ác, tham lam, làm điều hung bạo, không làm việc phước, không làm việc thiện, không làm theo chỗ đáng quy ngưỡng, chắc chắn ta phải đọa bị vào cõi ác”. Lúc đó kẻ ấy liền có sự thay đổi, hối hận. Thay đổi hối hận rồi, nhưng cuối cùng vì sống bất thiện cho nên khi mạng chung cũng là bất thiện. Đây Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, tạo tác thân hành khổ, khẩu và ý hành khổ. Kẻ ấy tạo thân hành khổ rồi, tạo miệng, ý hành khổ rồi, do nhân đó, duyên đó khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác địa ngục. Chính đó, này đại lực sĩ, chính là khổ ấm của thân này trong đời sau. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng. Đây Đại lực sĩ, chính là do năm sự thú vị của tham dục nên có nhiều khổ, hư hoại.

Còn vị Thánh đệ tử thì không như vậy, có tri kiến như thật, không có hỷ lạc đối với dâm, vì nó tạo ra pháp ác bất thiện. Đó gọi là sự tịch

tĩnh vô thượng. Như vậy, này Đại lực sĩ, Thánh đệ tử cùng tương ứng với pháp tâm như vậy. Lại nữa, này Đại lực sĩ, Ta đối với tham dục dù nhỏ cũng biết nó là khổ, biết nó là hư hoại. Đó là tri kiến như thật của Ta, Ta cũng không trụ trong tham dục tạo ra pháp ác bất thiện, mà trụ trong sự phòng hộ an lạc, chính là sự tịch tĩnh vô thượng. Này Đại lực sĩ, như vậy Ta không tương ứng với pháp tham dục.

Này Đại lực sĩ, có một thời Ta ở trong hang Thất diệp, Bệ-đà-lê Chỉ hữu hiếp, thuộc thành Vương xá. Này Đại lực sĩ, vào lúc xế chiều Ta đứng dậy đi đến bên Chỉ hữu hiếp, Ta ở đó, từ xa trông thấy các Ni-kiền, họ thường không ngồi mà luôn quỳ, tu tập khổ hạnh rất thống khổ. Ta liền đi đến chỗ họ. Đến nơi, Ta nói với họ:

–Vì sao? Này Ni-kiền, lại quỳ mãi không ngồi như thế, tu tập khổ hạnh quá sức như vậy?

Họ đáp:

–Này Cù-đàm, vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền thân tộc tử đã như vậy: “Này các Ni-kiền, chúng ta vốn tạo các hành ác nay hành pháp khổ hạnh này sẽ tiêu trừ các hạnh ác kia. Đó là nay thân nghiệp hành khổ hạnh, khẩu, ý nghiệp hành khổ hạnh, nếu có điều ác hãy đừng làm”.

Ta nói với họ:

–Này các Ni-kiền, vì sao các ông đối với vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền có thể tin, có thể nhận lời của vị ấy được? Sao lại không nghi ngờ vị thầy ấy?

Họ trả lời:

–Này Cù-đàm, vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền của chúng tôi, chúng tôi không nghi ngờ vị thầy ấy, vì vị ấy có thể tin cậy, có thể chấp nhận được.

Ta đáp lại họ:

–Như vậy, nếu như trong chúng Ni-kiền của các ông, có vị Ni-kiền vốn đã tạo hạnh ác, nên phải hành khổ hạnh cùng cực. Vị Ni-kiền ấy sau khi chết đời sau sanh lại ở nhân gian sẽ cũng lại học ở trong phái Ni-kiền này, phải thường quỳ, không ngồi theo khổ hạnh như vậy, như nay các ông đang làm sao?

Họ nói như vậy:

–Này Cù-đàm, không theo hạnh thiện vẫn được quả báo thiện.

Vua Tần-phù-bà sống yên ổn trong an lạc, còn Sa-môn Cù-đàm thì không được như vậy.

Ta đáp:

–Này các Ni-kiền, các ông nói như vậy là không đúng. Vì sao vậy? Vì kẻ phàm phu ngu si, bất định, không thiện, không nhàm chán, không biết đủ mới nói: “Vua Tần-phù-bà thường ở nơi thiện, thường được an lạc, còn Sa-môn Cù-đàm thì không được như vậy”. Này các Ni-kiền, phải trước nhất là biết Ta và tại sao Ta thường ở trong sự an lạc, chứ không nói: “Vua Tần-phù-bà hay Sa-môn Cù-đàm?”. Này các Ni-kiền, Ta sẽ nói cho các ông biết: Ta là người khéo sống trong sự an lạc chứ không phải là vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt. Các ông không nên nói như vậy: “Vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt thường sống trong an lạc, Sa-môn Cù-đàm không thể sánh kịp!”. Nay Ta hỏi các ông: “Ai là người khéo sống trong sự an lạc, vua Tần-phù-bà hay Sa-môn Cù-đàm? Ý của các Ni-kiền thế nào? Vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt đã được tự tại về miệng và ý chẳng? Trong bảy ngày bảy đêm thân đã hoàn toàn an trụ trong an lạc chẳng?”

Các Ni-kiền thưa:

–Chẳng được vậy, thưa Cù-đàm.

Đức Phật hỏi tiếp:

–Hoặc sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, hai ngày hoặc một ngày một đêm vua được tự tại về miệng và ý chẳng? Thân đã hoàn toàn được sống trong sự an lạc chẳng?

–Thưa Cù-đàm, không được.

–Ý của các Ni-kiền thế nào? Ta đã được tự tại về miệng và ý chẳng? Trong một ngày một đêm, thân của Ta có sống trong sự an lạc chẳng?

–Được, thưa Cù-đàm.

–Từ hai, ba cho đến bảy ngày, bảy đêm miệng và ý của Ta có được hoàn toàn khéo sống trong sự an lạc chẳng?

–Được, thưa Cù-đàm.

–Ý của các Ni-kiền thế nào? Ta và vua, ai thường khéo sống trong sự an lạc, vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt hay là Ta?

–Như chúng tôi nhờ Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng nên biết được nghĩa này: Chính Sa-môn Cù-đàm mới là người khéo sống trong an lạc,

chứ không phải vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt.

-Này Đại lực sĩ, hãy giảm thiểu tham dục, biết nó có nhiều sự khổ, trong sự hư hoại thì nó có nhiều hư hoại nhất. Do đó vị Thánh đệ tử dùng trí tuệ để thấy như thật, nên đối với tham dục, pháp ác bất thiện không vui thích chúng. Đó là sự tịch tĩnh vô thượng.

Như vậy, này Đại lực sĩ, vị Thánh đệ tử tương ứng với pháp tham dục như thế.

Lại nữa, này Đại lực sĩ, Ta đối với chút ít thú vị của tham dục cũng thấy nó có nhiều khổ, biết nó là pháp hư hoại. Đó là Ta dùng trí tuệ bình đẳng thấy như thật, cũng không ở trong tham dục có tạo tác pháp bất thiện, mà chỉ chuyên phòng hộ để được tự vui, chính là sự tịch tĩnh vô thượng. Như vậy, này Đại lực sĩ, Ta không tương ứng với pháp tham dục.

Đức Phật giảng dạy như vậy, vị Đại lực sĩ ấy cùng các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, thấy đều hoan hỷ.

SỐ 56

PHẬT NÓI KINH LẠC TƯỚNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt chi.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với địa (đại) có tướng chấp về địa (đại), ưa thích địa(đại), chấp địa (đại) là ngã. Kẻ ấy nói: “Địa (đại) là ngã”. Ta nói kẻ ấy chưa biết được thủy, hỏa, phong, Thiên thân, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên. Họ đối với tịnh có tịnh tướng, ưa thích tịnh, chấp tịnh là ngã. Kẻ ấy nói: “Tịnh là ngã”. Ta bảo kẻ ấy chưa biết về Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tướng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này. Kẻ ấy có tướng ấy nên ưa thích nó, vì ưa thích nó nên chấp nó là ngã. Kẻ ấy đã hoàn toàn chấp nó là ngã rồi, Ta bảo kẻ ấy thật sự chưa biết nó.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn chấp địa (đại) là thần thông, không thích địa (đại), do không thích địa (đại) nên không chấp địa (đại) là ngã. Kẻ ấy không bảo rằng: “Địa (đại) là ngã”. Ta nói kẻ ấy đã biết thủy, hỏa, phong, Thiên thân, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên. Họ cho tịnh là thần thông, không thích tịnh, vì không ưa tịnh nên không cho tịnh là ngã. Ta bảo rằng kẻ ấy đã biết Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tướng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này. Kẻ ấy vận dụng tất cả thần thông, tỏ ý không thích, cũng

không ưa, cũng không chấp là ngã, cũng không bảo rằng: “Đó là ngã”. Ta bảo kẻ ấy đã biết tất cả.

Lại nữa, Ta cho địa (đại) là thần thông, không thích địa (đại), không ưa thích địa (đại), không cho địa (đại) là ngã. Ta không chấp địa (đại). Ta đã biết thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên, các thần thông ấy không cho là tịnh, vì không cho là tịnh nên không chấp tịnh là ngã. Ta đã biết được Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tướng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này, tất cả thần thông đều không ưa thích, vì không ưa thích nên không chấp là ngã. Cho nên Ta đã biết chúng.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn giảng nói, thấy đều vui mừng, dứt sạch nguyên nhân chấp ngã.



SỐ 57

PHẬT NÓI KINH LẬU PHÂN BỐ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại Hành trì xứ danh vi pháp (*đô ấp Kiêm-ma-sắc-đàm-câu-lâu?*) thuộc nước Câu-lưu.

Bấy giờ người nước Câu-lưu đang sinh sống đông đúc tại đó. Khi ấy Đức Phật bảo các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thưa: “Đạ vâng”, và theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật nói như vậy:

–Tỳ-kheo hãy lắng nghe, Ta sẽ thuyết pháp, phần đầu cũng lợi, phần giữa cũng lợi, phần cuối cũng lợi, có lợi lạc, có phương tiện, đầy đủ ý, hiện rõ phạm hạnh. Hãy nên lắng nghe, thọ trì để nhớ nghĩ điều được nghe.

Các Tỳ-kheo thưa: “Xin vâng!”, và theo Đức Phật để nghe thuyết pháp. Đức Phật nói:

–Các Tỳ-kheo cần phải biết lậu, cũng phải biết nguồn gốc của lậu, cũng phải biết do lậu mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố (tác động rộng khắp) của lậu, cũng phải biết sự chấm dứt của lậu, cũng phải biết tu tập gì khiến cho dứt sạch hết lậu.

Tỳ-kheo phải biết thống (thọ), cũng phải biết nguyên nhân của thống, cũng phải biết do thống mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của thống, cũng phải biết sự chấm dứt của thống, cũng phải biết tu tập gì để dứt hết thống.

Tỳ-kheo phải biết tư tưởng, cũng nên biết nguồn gốc của tư tưởng, cũng nên biết do tư tưởng mà thọ lấy tai ương, cũng nên biết

sự phân bố của tư tưởng, cũng nên biết tu tập gì để chấm dứt tư tưởng.

Tỳ-kheo phải biết ái dục, cũng phải biết nguồn gốc của ái dục, cũng phải biết do ái dục mà thọ tai ương, cũng phải biết sự phân bố của ái dục, cũng phải biết sự chấm dứt của ái dục, cũng phải biết tu tập gì để không còn ái dục.

Tỳ-kheo phải biết hành, cũng phải biết nguyên nhân của hành, cũng phải biết vì hành mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của hành, cũng phải biết sự chấm dứt của hành, cũng phải biết thọ trì hạnh gì để không còn hành.

Tỳ-kheo phải biết khổ, cũng phải biết nguyên nhân của khổ, cũng phải biết vì khổ mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của khổ, cũng phải biết sự chấm dứt của khổ, cũng phải biết tu tập gì để không còn khổ.

Tỳ-kheo phải biết lậu, cũng phải biết nguyên nhân của lậu, cũng phải biết vì lậu mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của lậu, cũng phải biết sự chấm dứt của lậu, cũng phải biết tu tập gì mà dứt hết lậu.

Phải biết những loại lậu nào? Đó là có ba thứ lậu:

1. Dục lậu.
2. Hữu lậu.
3. Si lậu (vô minh lậu).

Như vậy là biết lậu.

Thế nào gọi là phải biết nguồn gốc của lậu? Đó là biết si (vô minh) là gốc của lậu, do đó mà lậu hiện hữu. Như vậy là biết nguồn gốc của lậu.

Thế nào gọi là do lậu mà có tai ương? Đó là biết do si mà có hành động lậu, hành động thế nào nên phải thọ lấy tai ương như vậy, hoặc sanh chỗ tốt, hoặc đọa vào chỗ xấu. Như vậy là biết do lậu mà thọ lấy tai ương.

Thế nào gọi là biết sự phân bố của lậu? Đó là biết do hành động sai khác mà bị đọa vào địa ngục, hoặc do hành động sai khác mà đọa vào súc sanh, hoặc do hành động sai khác mà đọa vào ngạ quỷ, hoặc do hành động sai khác mà sanh lên cõi trời, hoặc do hành động sai khác mà sanh vào loài người. Như vậy gọi là biết sự phân bố của lậu.

Sao gọi là phải biết sự chấm dứt của lậu? Đó là biết si đã chấm dứt nên lậu liền chấm dứt, như vậy là lậu chấm dứt. Đó là biết sự chấm dứt của lậu.

Thế nào là phải biết thọ trì hạnh gì để lậu chấm dứt? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trục kiến.
2. Trục cánh.
3. Trục ngữ.
4. Trục hành.
5. Trục nghiệp.
6. Trục phương tiện.
7. Trục niệm.
8. Trục định.

Như vậy là biết thọ trì hạnh gì để chấm dứt lậu.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết lậu như vậy, biết nguyên nhân của lậu như vậy, biết do lậu mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của lậu như vậy, biết sự chấm dứt của lậu như vậy, biết tu tập nên khiến lậu được chấm dứt như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên được đắc đạo, làm cho các lậu được chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết thống (thọ), cũng phải biết nguyên nhân của thống, cũng phải biết vì thống mà thọ tai ương, cũng phải biết sự phân bố của thống, cũng phải biết sự chấm dứt của thống, cũng phải biết tu tập gì khiến cho chấm dứt thống.

–Phải biết những loại thống nào? Đó là có ba loại thống (thọ):

1. Lạc thống.
2. Khổ thống.
3. Không lạc cũng không khổ thống.

Như vậy là biết thống.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của thống? Đó là biết do suy tư, lường tính. Như vậy là biết nguồn gốc của thống.

Thế nào là phải biết do thống mà thọ tai ương? Đó là biết có đối tượng tư duy tiếp xúc dẫn tới sự khổ. Như vậy là biết từ thống đưa đến tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của thống? Này Tỳ-kheo, Tỳ-

kheo tiếp xúc với lạc thống (lạc thọ) thì biết là tiếp xúc với lạc thống, tiếp xúc với khổ thống (khổ thọ) thì biết là tiếp xúc với khổ thống, tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là đang tiếp xúc với không lạc không khổ thống; thân tiếp xúc với lạc thống thì biết là thân tiếp xúc với lạc thống, thân tiếp xúc với khổ thống thì biết là thân tiếp xúc với khổ thống, thân tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là thân tiếp xúc với không khổ không lạc thống; tâm niệm tiếp xúc với lạc thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với lạc thống, tâm niệm tiếp xúc với khổ thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với khổ thống, tâm niệm tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với không khổ không lạc thống. Lạc thống do mong cầu mà có thì biết lạc thống do mong cầu mà có. Khổ thống do mong cầu mà có thì biết khổ thống do mong cầu mà có. Không khổ không lạc thống do mong cầu mà có thì biết không khổ không lạc thống do mong cầu mà có. Lạc thống không do mong cầu mà có thì biết lạc thống không do mong cầu mà có. Khổ thống không do mong cầu mà có thì biết khổ thống không do mong cầu mà có. Không khổ không lạc thống không do mong cầu mà có thì biết không khổ không lạc thống không do mong cầu mà có. Lạc thống do sống trong gia đình thì biết lạc thống do sống trong gia đình. Khổ thống do sống trong gia đình thì biết khổ thống do sống trong gia đình. Không khổ không lạc thống do sống trong gia đình thì biết không khổ không lạc thống do sống trong gia đình. Lạc thống nhờ bỏ gia đình thì biết lạc thống nhờ bỏ gia đình. Khổ thống nhờ bỏ gia đình thì biết khổ thống nhờ bỏ gia đình. Không khổ không lạc thống nhờ bỏ gia đình thì biết không khổ không lạc thống nhờ bỏ gia đình. Như vậy là biết sự phân bố của thống.

Những gì là phải biết sự chấm dứt của thống? Đó là nhớ nghĩ đến sự từ bỏ thì thống liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của thống.

Thế nào là phải biết tu tập để thống chấm dứt? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.

5. Trục nghiệp.
6. Trục phương tiện.
7. Trục niệm.
8. Trục định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt thống.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết thống như vậy, biết nguyên nhân của thống như vậy, biết do thống mà bị tai ương như vậy, biết sự phân bố của thống như vậy, biết sự chấm dứt của thống như vậy, biết tu tập để chấm dứt thống như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán ìa thế gian, nhờ hành thanh tịnh nên được đạo, làm cho thống được chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết tư tưởng (Tưởng), phải biết nguồn gốc của tư tưởng, phải biết do tư tưởng mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố của tư tưởng, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt tư tưởng.

Những gì là phải biết tư tưởng? Đó là có bốn loại tư tưởng:

1. Tư tưởng ít.
2. Tư tưởng nhiều.
3. Tư tưởng vô hữu lượng.
4. Tư tưởng vô sở hữu bất dụng.

Như vậy gọi là biết tư tưởng.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của tư tưởng? Xúc là nguồn gốc của tư tưởng. Như vậy là biết nguồn gốc của tư tưởng.

Thế nào là phải biết từ tư tưởng mà có tai ương? Đó là như điều tư tưởng làm, như điều tư tưởng hành. Đó gọi là việc làm, hành động. Như vậy là biết do tư tưởng mà thọ tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của tư tưởng? Đó là tư tưởng về sắc thì khác, tư tưởng về tiếng cũng khác, tư tưởng về hương cũng khác, tư tưởng về vị cũng khác, tư tưởng về sự thô, tế khi thân cảm tiếp xúc cũng khác. Như vậy là biết sự phân bố của tư tưởng.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của tư tưởng? Đó là xúc đã hết thì tư tưởng liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của tư tưởng.

Thế nào là phải biết tu tập để chấm dứt tư tưởng? Đó là tám loại đạo hạnh:

1. Trục kiến.
2. Trục cánh.

3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt tư tưởng.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết tư tưởng như vậy, biết nguồn gốc của tư tưởng như vậy, biết do tư tưởng mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của tư tưởng như vậy, biết sự chấm dứt của tư tưởng như vậy, biết tu tập nên khiến tư tưởng được chấm dứt như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên được đắc đạo, khiến tư tưởng chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết ái dục, cũng phải biết nguồn gốc của ái dục, cũng phải biết do ái dục đưa đến tai ương, cũng phải biết sự phân bố của ái dục, cũng phải biết sự chấm dứt của ái dục, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt ái dục.

Thế nào là phải biết ái dục? Đó là biết ái dục có năm loại mà con người mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong cầu yêu thích sắc; theo ý ấy đưa đến tham đắm, gần gũi. Những gì là năm?

1. Các sắc do mắt nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy đưa tới tham đắm, dễ gần gũi.

2. Các tiếng do lỗ tai nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy đưa đến tham đắm, gần gũi.

3. Các hương do mũi nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn tới tham đắm, gần gũi.

4. Các vị do miệng nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn đến tham đắm, gần gũi.

5. Các xúc thô, tế do thân tiếp xúc biết được thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo

ý ấy dẫn tới tham đắm, gần gũi.

Như vậy là biết được ái dục.

Thế nào là biết nguồn gốc của ái dục? Đó là tư (suy niệm). Như vậy là biết nguồn gốc của ái dục.

Thế nào là biết vì ái dục phải thọ tai ương? Nếu đã dấy khởi ái dục, đã sanh dục cầu, liền có tranh cãi, mong chờ, liền sanh tưởng về tai ương. Vì vậy phải tùy theo tai ương hoặc đến chỗ tốt, hoặc vào chỗ dữ. Như vậy là biết do ái dục mà thọ lấy tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của ái dục? Đó là biết ái dục của sắc thì khác, ái dục của thanh cũng khác, ái dục của hương cũng khác, ái dục của mùi vị cũng khác, ái dục do thân tiếp xúc vật thô tế cũng khác. Như vậy là biết sự phân bố của ái dục.

Thế nào là biết sự chấm dứt của ái dục? Đó là biết tư đã chấm dứt thì ái liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của ái dục.

Thế nào là biết tu tập để chấm dứt ái dục? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trục kiến.
2. Trục cánh.
3. Trục ngữ.
4. Trục hành.
5. Trục nghiệp.
6. Trục phương tiện.
7. Trục niệm.
8. Trục định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt ái dục.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết ái dục như vậy, biết nguyên nhân của ái dục như vậy, biết do ái dục mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của ái dục như vậy, biết sự chấm dứt của ái dục như vậy, biết tu tập để chấm dứt ái dục như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh, đặc đạo, khiến cho ái dục chấm dứt.

Tỳ-kheo cần phải biết hành, cũng phải biết nguồn gốc của hành, cũng phải biết do hành mà thọ lấy tai ương hay phước đức, cũng phải biết sự phân bố của hành, cũng phải biết sự chấm dứt của hành, cũng phải biết tu tập gì thì chấm dứt hành.

Thế nào là phải biết hành? Đó là sự nhớ nghĩ không hướng tới xa lìa, gọi là hành.

Thế nào là biết nguồn gốc của hành? Đó là từ ái dục có sự tạo tác, từ ái làm gốc có hành. Như vậy là biết nguồn gốc của hành.

Thế nào là biết do hành mà phải thọ tai ương hay phước đức? Đó là hành động đen tối phải bị tai ương xấu ác khiến phải bị sa đọa vào cõi ác, có hành động thanh tịnh, khiến có phước thanh tịnh, được sanh lên cõi trời. Đó là biết do hành mà phải thọ lấy tai ương hay phước đức.

Thế nào là phải biết sự phân bố của hành? Đó là có hành động đen tối phải theo sự đen tối mà thọ lấy tai ương, có hành động thanh tịnh thì nhờ sự thanh tịnh mà được phước đức thanh tịnh. Vì có hành động đen tối hay thanh tịnh nên đưa đến nghiệp đen hay trắng, tai ương hay phước đức. Cũng có hành động chẳng phải đen, cũng chẳng phải thanh tịnh, nhờ đó được phước đức, các hành đều nối tiếp nhau. Như vậy là biết sự phân bố của hành.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của hành? Đó là ái đã hết thì hành liền hết. Như vậy là biết sự chấm dứt của hành.

Thế nào là biết tu tập để chấm dứt hành? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết sự tu tập để chấm dứt hành.

Này các Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo đã biết hành như vậy, biết nguồn gốc của hành như vậy, biết do hành mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của hành như vậy, biết sự chấm dứt của hành như vậy, biết tu tập để chấm dứt hành như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên đắc đạo, khiến cho hành chấm dứt hoàn toàn.

Tỳ-kheo phải biết khổ, cũng phải biết nguyên nhân của khổ, cũng phải biết vì khổ mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố của khổ, cũng phải biết sự chấm dứt của khổ, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt khổ.

Thế nào là Tỳ-kheo phải biết khổ? Đó là Tỳ-kheo phải biết sanh là khổ, phải biết già là khổ, biết bệnh là khổ, phải biết chết là khổ, phải biết oán thù gặp nhau là khổ, phải biết ái biệt ly là khổ, phải biết cầu mong không được là khổ, phải biết nguồn gốc của năm ấm là khổ. Như vậy là biết khổ.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của khổ? Đó là Bản vi si (vô minh), si là nguồn gốc của khổ. Như vậy là biết nguồn gốc của khổ.

Thế nào là phải biết do khổ mà thọ lấy tai ương? Đó là người thế gian do ngu muội không nghe kinh điển, ở trong thân nhận lấy bao sự khổ thống kịch liệt, sự đau khổ kịch liệt không thể chịu nổi, phải nên chấm dứt ý nghĩ đó. Vì theo bên ngoài, cầu mong pháp hữu vi bên ngoài, căn cứ bên ngoài mà cầu mong. Có Sa-môn, Bà-la-môn trì từ một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, năm câu, một trăm câu trì chú để cúng tế nhờ vậy mà thân có thể được thoát khổ, đó là tai ương của khổ. Như vậy là biết do khổ mà thọ lấy tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của khổ? Đó là có khổ ít mà thọ tai ương lâu dài, hoặc là có khổ ít mà không bị tai ương tật bệnh, hoặc có khổ nhiều mà thọ tai ương lâu dài, hoặc khổ nhiều mà thoát khỏi tai ương tật bệnh. Như vậy là biết sự phân bố của khổ.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của khổ? Đó là si (vô minh) đã chấm dứt thì khổ liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của khổ.

Thế nào là phải biết tu tập để chấm dứt khổ? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trục kiến.
2. Trục cánh.
3. Trục ngữ.
4. Trục hành.
5. Trục nghiệp.
6. Trục phương tiện.
7. Trục niệm.
8. Trục định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt khổ.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết khổ như vậy, biết nguyên nhân của khổ như vậy, biết vì khổ mà thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của khổ như vậy, biết sự chấm dứt của khổ như vậy, biết tu tập để chấm dứt khổ như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, hành thanh tịnh đặc đạo, để chấm dứt khổ đau.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo thọ trì lời Phật dạy, trong tâm ghi nhớ theo đó thực hành, đạt được vô vi thanh tịnh.



SỐ 58

PHẬT NÓI KINH A-NẬU-PHONG

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại thành A-nậu-phong thuộc xứ Bạt-kỳ. Bấy giờ Đức Thế Tôn, sau giờ ngộ, từ thiền tọa đứng dậy, bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, chúng ta hãy cùng nhau đến ao A-di-đà-bà để tắm rửa.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả A-nan vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo tùy tùng đi đến ao A-di-đà-bà; đến nơi, cởi y phục để trên bờ ao, rồi xuống ao A-di-đà-bà tắm, tắm xong lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, người tâm ý buông lung như Đê-bà-đạt-đâu, khi bỏ chốn này phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu vớt được. Này A-nan, thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lời này: “Ta đã ghi nhận rằng Đê-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu vớt được” không?

Tôn giả A-nan đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì con có nghe điều này. Bạch Thế Tôn, con có nghe một vị Tỳ-kheo nói với con: “Thế nào, này

Hiên giả A-nan, Đức Thế Tôn biết rõ những ý nghĩ, những hành động trong tâm của Đề-bà-đạt-đâu chăng? Hay Ngài dùng các phương tiện khác để biết nên Ngài mới ghi nhận rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát”.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc là hàng trưởng thượng, hoặc là niên thiếu, hay còn nhỏ đều là người thiếu trí tuệ. Vì sao? Này A-nan, vì Như Lai đã dạy nhưng vị ấy vẫn còn nghi hoặc. Này A-nan, Ta không thấy có Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người ở thế gian này mà Ta đã nói như trên, tức phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu như Đề-bà-đạt-đâu. Vì sao? Này A-nan, Ta đã thọ ký rằng: Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát. Này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, cho dù nhỏ như một sợi lông. Nếu Ta thấy ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không nói: “Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát”. Này A-nan, bởi vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, cho dù nhỏ như một sợi lông. Nếu Ta thấy ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không thọ ký một cách chắc chắn rằng: Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào ác xứ, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát.

Này A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm lớn đầy phần hôi thối và có một người bị rơi vào trong đó, chìm xuống tận đáy. Có người trông thấy, suy nghĩ như vậy: “Ta có lòng thương xót muốn kẻ ấy được lợi ích, muốn cứu vớt kẻ ấy để kẻ ấy được an ổn”. Người ấy đứng trên hầm phần lớn đó quán sát chung quanh để xem kẻ bị rơi kia có chỗ nào không bị dính phần, dù nhỏ như một sợi lông để nắm kẻ ấy kéo lên. Người ấy đứng trên hầm phần lớn nhìn khắp thân thể của người kia, nhưng không thấy có chỗ nào, dù nhỏ như sợi lông sợi tóc mà không bị dính phần để có thể nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch bằng một sợi lông, sợi tóc. Nếu ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta

đã không nói rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát. Cho nên này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, dù bằng một sợi lông, do đó Ta đã nói một cách chắc thật rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác, sống trong địa ngục suốt cả một kiếp, khó có thể cứu thoát.

Bấy giờ Tôn giả A-nan rơi nước mắt, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Nay Thế Tôn đã khẳng định Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục, ở đấy trọn kiếp, khó có thể cứu thoát.

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Ta đã xác quyết rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục, ở đấy trọn kiếp, khó có thể cứu thoát. Này A-nan, hãy nghe Đức Như Lai phân biệt về căn tướng của bậc Đại nhân để làm phát sanh và tăng trưởng niềm tin, và sự hoan hỷ đối với Như Lai.

Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói, phân biệt cho các Tỳ-kheo nghe về căn tướng của bậc Đại nhân. Khi nghe Đức Thế Tôn giảng nói xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả A-nan vâng theo lời Phật dạy. Đức Phật bảo:

–Này A-nan, Như Lai biết ý nghĩ của người khác biết, người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người ấy đã dứt bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, giống như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối liền tan hết, ánh sáng liền phát sanh. Này A-nan, ý thầy thế nào? Khi mặt trời

lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, thì có ánh sáng hiện ra?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những điều suy niệm trong tâm của người khác, biết người ấy cùng tương ứng với pháp thiện, cũng tương ứng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết người ấy bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió mưa làm hỏng, được cất giấu an ổn trong vựa lúa. Người nông phu làm ruộng kia dọn dẹp, cày bừa thửa ruộng ngay thẳng xong, gieo hạt lúa xuống và mưa tuôn đúng lúc, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Người ấy có được thu hoạch được nhiều hạt lúa chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, được nhiều hạt.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm ý của người khác, biết người ấy cùng tương ứng với pháp thiện, tương ứng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết họ diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó pháp thiện sẽ lại phát sanh. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai biết rõ chỗ quay về của các pháp.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm ý người khác, biết người ấy cùng tương ứng với pháp thiện, tương ứng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; tuy thiện căn có từ trước không đoạn tuyệt, nhưng tất cả thiện căn ấy rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy có pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, giống như từ lúc xế chiều mặt trời lặn, ánh sáng diệt hết, bóng tối sanh ra. Này A-nan, ý thầy thế nào?

Sau khi mắt trời lặn, không phải giờ ăn, ánh sáng đã tắt hết thì bóng tối sanh ra chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

-Bách Thế Tôn, đúng vậy.

-Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những suy nghĩ trong tâm

của người khác, biết người ấy cũng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết những suy nghĩ trong tâm người ấy, người ấy diệt pháp bất thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, rồi tất cả thiện căn sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy đi đến pháp đoạn tuyệt. Nay A-nan, giống như hạt lúa giống không hu, không vỏ, không mủ, không mọc, không nứt, không bị gió mưa làm hỏng, để an ổn trong vựa lúa. Nếu người nông phu kia dọn dẹp, cây lúa ruộng ngay thẳng, rồi gieo hạt vào, nhưng mưa không dùng thời, thì này A-nan, y thấy thế nào? Có được nhiều hạt lúa không?

Tôn giả A-nan thưa:

-Bách Thế Tôn, không thể được nhiều hạt.

-Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết y nghĩ trong tâm của người khác, biết người ấy tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết tâm niệm của người ấy diệt pháp bất thiện, sanh pháp bất thiện. Người đó đã diệt pháp bất thiện, thì nay sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy có pháp đoạn tuyệt. Nay A-nan, như vậy là Như Lai đã nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Như Lai đối với các pháp sinh khởi đều biết rõ như vậy.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết y niệm của người khác, không thấy người đó có một chút pháp thanh tịnh tốt đẹp dù nhỏ như sợi lông sợi tóc. Người đó một mực chỉ toàn là pháp ác bất thiện trôi buốc, trôi lại bị qua bao khổ số, trong cảnh sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người đó khi thân hoại mạng chung, phải sống trong địa ngục. Nay A-nan, giống như hạt lúa giống bị hu, vỏ, mủ nát, bị gió mưa làm hỏng, không được cất giấu căn thân. Nếu người nông phu làm ruộng ấy không ra sức cấy đất, không làm cho đất thuận thục, bằng phẳng rồi gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, y thấy thế nào? Người ấy có được nhiều lúa chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, dạ không.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, không thấy người ấy có một chút pháp thiện dù nhỏ như sợi lông sợi tóc. Người ấy một mực chỉ toàn là pháp ác bất thiện trói buộc, nên trở lại bị quả báo bức bách khổ não, trong cảnh sự sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sống trong địa ngục. Như vậy, này A-nan, Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân như thế. Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Ngài có thể thuyết giảng về ba hạng người khác nữa được chăng?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Ta có thể giảng nói. Này A-nan, Như Lai hoặc biết ý niệm của người khác, biết người đó cùng tương ứng với pháp thiện, cũng tương ứng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết tâm ý của người đó rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ pháp thiện đó lại sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy đối với pháp bất thiện sẽ đoạn tuyệt. Này A-nan, ví như có lửa cháy, ngọn lửa cứ tự nhiên cháy, hoặc có người đẩy cỏ khô lên rồi chất củi khô thêm vào. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa càng bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết tâm ý của người khác, biết người đó cùng tương ứng với pháp bất thiện, tương ứng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người đó rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ pháp bất thiện đó lại sanh pháp bất thiện. Như vậy, người ấy đi đến pháp hủy diệt. Này A-nan, như vậy gọi là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết tâm ý của người khác, biết

người ấy cùng tương ứng với pháp bất thiện, cũng tương ứng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người ấy rằng người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt, tất cả rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy người ấy đi đến pháp ý thanh tịnh rất ráo. Này A-nan, ví như đốt lửa, ngọn lửa tự nhiên bốc lên, có người đem lửa đang cháy để trên đất khô, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa có bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể bốc cháy mạnh được.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, biết người đó cùng tương ứng với pháp bất thiện, cũng tương ứng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm niệm của người ấy rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, căn bất thiện còn sót lại từ trước vẫn chưa đoạn tuyệt, nhưng rồi tất cả sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người đó đạt được pháp thanh tịnh hoàn toàn. Này A-nan, như vậy là Như Lai đã nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai biết các pháp hổ tương sanh ra đều biết rõ.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết mọi suy nghĩ trong tâm ý của người khác, không thấy người ấy có nghiệp xấu ác dù nhỏ như sợi lông, sợi tóc. Người ấy hoàn toàn có đầy đủ pháp thiện, hạnh thiện và quả báo thiện, thân kẻ ấy tương ứng với chỗ thiện. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, ví như lửa đã tắt, mát lạnh, không còn nóng nữa, hoặc có người lấy cỏ khô bỏ vào trong ấy, này A-nan, ý thầy thế nào? Lửa có thể bốc cháy không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác. Ta không thấy người ấy có nghiệp xấu ác dù nhỏ như sợi lông, sợi tóc. Người ấy hoàn toàn có đầy đủ pháp thiện, hạnh thiện và quả báo thiện, thân kẻ ấy tương ứng với chỗ thiện. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chứng đắc Bát Niết-bàn. Này A-nan, như vậy là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai đối với các pháp hổ tương sanh ra đều biết rõ.